

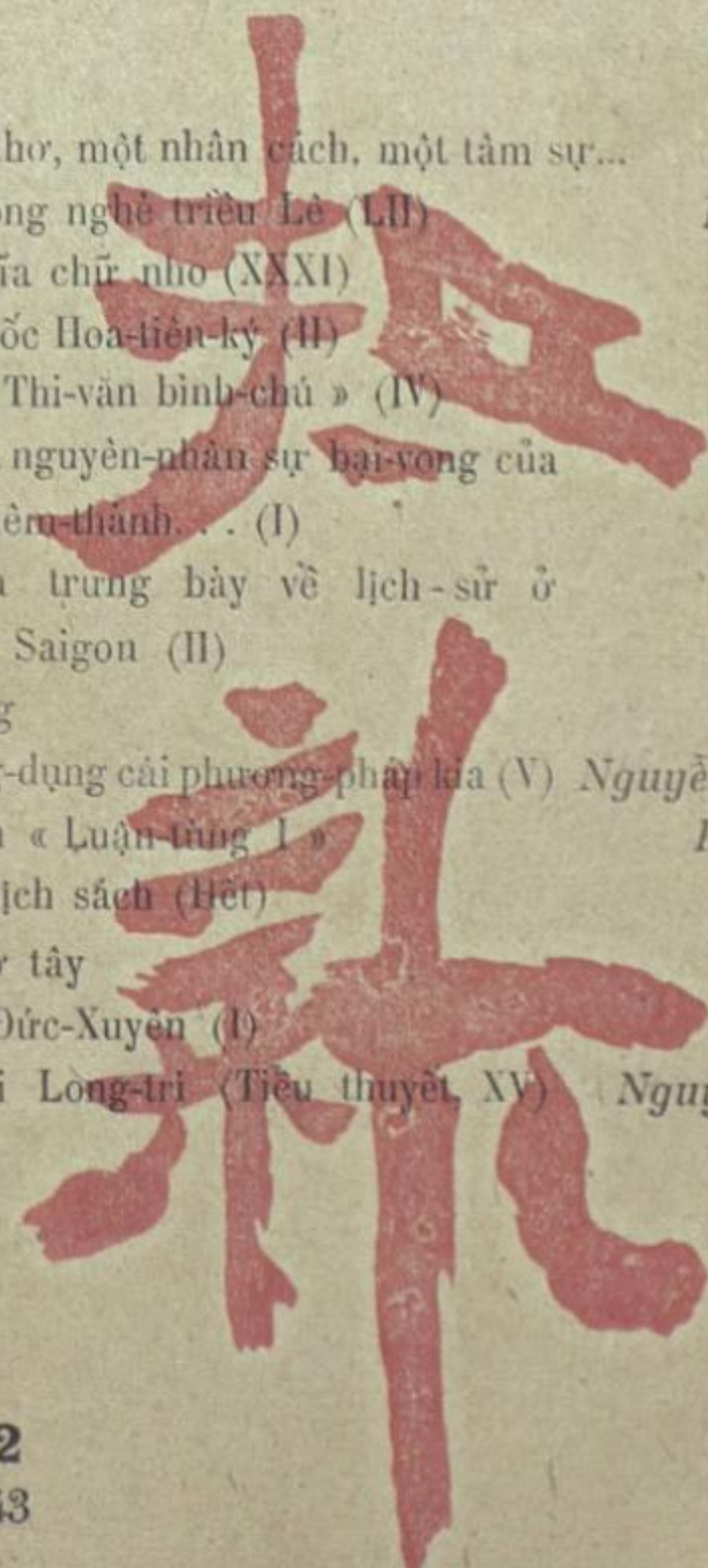
TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai

Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

- 
- * Một bài thơ, một nhân cách, một tâm sự... *Hoa-Bằng*
 - * Những ông nghề triều Lê (LII) *Nguyễn-văn-Tổ*
 - * Tra nghĩa chữ nho (XXXI) *Ứng-Hòe*
 - * Nguồn gốc Hoa-tiên-ký (II) *Đào duy-Anh*
 - * Quyền/« Thi-văn bình-chú » (IV) *Ứng-Hòe*
 - * Lược xét nguyên-nhân sự bại-vong của nước Chiêm-thành... (I) *Dương-Kị*
 - * Tòa nhà trưng bày về lịch-sử ở Hội chợ Saigon (II) *Trần-huy-Bá*
 - * Tùy-hứng *Minh-Tuyền*
 - * Cách ứng-dụng cái phương-pháp lứa (V) *Nguyễn-trọng-Thuyết*
 - * Phê bình « Luận-tung I » *Kiều thanh-Quế*
 - * Văn-đề dịch sách (Hết) *Đỗ-Thúc*
 - * Dịch thơ tây *Cách-Chi*
 - * Nguyễn-Đức-Xuyên (I) *Nguyễn-Triệu*
 - * Đêm hội Long-tri (Tiểu thuyết, XV) *Nguyễn-huy-Tướng*

MỘT BÀI THƠ, MỘT NHÂN-CÁCH, MỘT TÂM-SỰ CỦA

« NGƯỜI LỊCH-SỬ »

HOA-BÀNG



NƯỚC xuân cứ lừ-lừ
trời...

Vườn xuân cứ
dần dần thừa hồng
rồi rậm lục...

Nhân ngâm câu :

« Ngày xuân con én đưa thoi,
« Thiều-quang chín chục đã
ngoài sáu mươi »

của thi-sĩ Nguyễn-Du tòi trạnh
nhớ đến bài *Mộ xuân tức sự* của
Tế-văn hầu Nguyễn Trãi (1380-
1442):

« Nhân trung tận nhật bế thư
traí,

Mòn ngoại toàn vô tục khách
lai.

Đỗ vũ thanh trung xuân hướng
lão,

Nhất đình xơ vũ, luyện (1) hoa
khai ».

閑中盡日閉書齋
門外全無俗客來
杜宇聲中春向老
一庭疎雨棟花開

Dịch :

Suốt ngày nhàn-nhã khép thư-
traí,

Khách tục, nhà đây hiếm tới
lui.

Trong tiếng cuốc kêu, xuân
ngả bóng !...

Đầy sân hoa luyện phớt mưa
cười.

Thơ chữ hán này có chép trong
nhiều sách, chẳng hạn như *Hoàng
tôn thi tuyển*, quyển III, tờ 1b —
Tiếc rằng tác-giả không đề rõ

ngày làm, nên nay ta khó biết
chắc bài *Mộ xuân tức sự* ấy đã
được thi-nhân viết vào hồi Minh-
thuộc hay là nhằm khi Ưc-Trai tiên-
sinh đã công thành, danh toại, tìm
thú hoạn-ân trong một phòng sách,
giữa cảnh non nước thang-bình !

Vậy nay muốn biết tác-giả đứng
ở trường-hợp nào, vì những động-
cơ nào và cảm-hứng gì mà dệt
thành bức giai tác ấy, tưởng ta
cũng nên khảo sơ hoàn-cảnh xã-
hội và gia-thể tác-giả, rồi mới có
thể xét nhân-cách và tâm-lý tác-giả
qua văn thơ ấy.

Hoàn-cảnh xã-hội

Họ Hồ (1400-1407) hoàn-toàn
thất-bại vì dân Nam quá tin ở lời
phỉnh gạt của người Minh: diệt
Hồ, lập Trần-hậu. Kết-cục: mấy
trang quốc-sử từ năm 1407—1417
phải viết toàn bằng những nét
thảm-đạm buồn-rầu !

Trong khoảng thời gian ấy tuy
lác-đắc lập-loè một vài tàn đóm
« quốc-gia », nhưng sau trận đại
bại ở Thái-già-cảng, Nguyễn Cảnh-
Dị bị tướng Minh Trương Phụ mổ
bụng ăn gan. Rồi Trần Giản-Định
(1407—1409), Trần Trùng-Quang
(1409 — 1413) lần-lượt sụp đổ.

Thế là nhà Minh xây vững cơ-đồ
đò-hộ ở đây. Họ hết sức phá diệt
van-hóa riêng và tinh-thần riêng
của dân-tộc Đại-Việt bằng cách định
làm cho ta phải đồng-hóa với họ.

Giở lại những trang sử cũ sách
xưa ta thấy người Minh đã thi-
hành những chính-sách này :

Việc học. — Phàm các sử, sách,
đồ-thư, truyện, ký từ đời Trần về
trước đều bị tịch-thu điệu về Kim-
lang (Nam-kinh) hết cả.

Họ ban các sách Ngũ-kinh, Tứ-
thư, Tinh-lý (dùng sách « đại-
toàn » cả) cho các phủ, châu,
huyện để dạy nhân-dân ; giao bọn
âm-dương, y-phương, tang-lữ và
đạo-gia cầm « cương » giáo-dục.

Di phong, dịch tục. — Người
Minh cấm đàn ông ta không được
cạo đầu ; buộc đàn-bà con gái phải
bện quần dài, áo ngắn. Nói tóm,
họ bắt người Nam nhất nhất phải
theo phong-tục Tàu.

Thuế khóa. — Mỗi mẫu ruộng
phải năm thương (2) thóc ; mỗi
mẫu bãi phù-sa phải một lượng tơ ;
mỗi cân tơ phải một tấm lụa. Phàm
những chỗ có mỏ vàng, bạc, người
Minh đều đặt quan-lại coi quản, đốc-
suất dân-phu khai đào. Hàng năm
làm xong, quan bản-cục và nội-
quan phái ra phải hội-đồng nhau,
kiểm-soát, gói-ghém mà dâng nộp.

Họ đặt quan-lại trông coi việc làm
muối ở miền duyên-hải. Ốp dân
nấu muối, mỗi tháng được ~~bạc~~
nhiều phải đem nộp hết để trữ
vào ty Đề-chưởng. Ai muốn buôn
muối phải do ty Bạc-chính khám
xét rồi mới cho bán. Người nào
nấu lậu, bán lậu đều bị khép vào
tội án.

Lập sở kiểm hột trai ở Văn-đôn.
Hàng ngày họ bắt hàng nghìn người
phải làm việc khổ-dịch : lặn biển,
mò ngọc châu.

Họ làm « hộ thiếp » để phát cho nhân-dân trong nước. Trên mặt thiếp, biên tên, tuổi, làng quán của dân đinh, đóng dấu một nửa vào mặt thiếp, một nửa vào cuống sổ ở bộ Hộ. Sờ, cắt ở bộ ; thiếp, phát cho dân. Sau, sánh nửa dấu ở thiếp nếu không hợp với nửa dấu ở bộ thì người có thiếp ấy phải phạt sung quân !

Trung-cầu. — Ngoài số phu-nữ và các thầy thợ bị bắt về Tàu, người Minh còn bắt dân Nam phải dâng tiến những thứ như quế, hồ-tiêu, hương-liệu, hươu trắng, voi bạch, vàng, bạc, ngọc trai, v.v. nữa.

Hàng năm, ta phải đóng góp cho Minh : 13 triệu 80 vạn học (3) thóc thuế ; 135.900 con vừa voi, vừa bò, vừa ngựa ; 8.700 chiếc thuyền và 2.539.000 thứ quân-giới (4).

Hình phạt. — Dùng cực-hình để nghiêm-trị người Nam ta, họ chặt tay thật nhiều rồi xếp thành đống như núi, hoặc mổ bụng moi ruột cuốn vào thân cây, hoặc xẻ thịt lấy mỡ rán...

Đó là hoàn-cảnh xã-hội mà Ưc-Trãi tiên-sinh đang sống, đó là cuộc đời thực-tế mà tác-giả bài thơ trên đã từng mắt thấy, tai nghe.

Gia-thế

Là con ông Nguyễn Ứng-Long và bà Trần Trinh-Thục (5), Nguyễn Trãi, hiệu Ưc-Trãi, người làng Nhị-kê, huyện Thượng-phúc, tỉnh Hà-dông (6).

Nguyễn Ứng-Long ? Cũng có tên khác là Phi-Khanh (7), hiệu là Nhị-kê tiên-sinh, lại được Tư-đồ Trần-Nguyên-Đán kêu là thầy kiềm Nhị-vuyên (8), Ứng-Long là con ông Phi-Hồ đỗ trúng-thức và là cha Nguyễn-Trãi, Phi-Bảo, Phi-Ly, Phi-Bằng, Phi-Hùng, Thụ-Liên và Thụ-Hồ...

Phi-Khanh là cha một gia-dinh đông con.

Khi còn là học-trò, Phi-Khanh được Trần-Nguyên-Đán mời làm tây-tân dạy con gái học.

Sau, vì luyện-ái tự-do, Trần thị lấy tư-cách là nữ học-sinh, kết duyên cùng thầy học là Phi-Khanh, một trang thiếu niên thông-minh, biết làm thơ van từ hồi 11 tuổi.

Nhưng vì bị ngăn-cản bằng cái bờ giai-cấp, nên Phi-Khanh đậu đầu Thái-học-sinh thứ hai khoa Giáp-dần năm Long-khánh thứ 2 (1374) đời vua Trần Duệ Tông (1373-1377), nhưng sau bị bỏ không được dùng nữa vì nhà vua lấy cớ rằng ông là con nhà hàn-gia lại « dám » vin cành vàng, vớ lá ngọc ! (9)

Năm 21 tuổi, Nguyễn Trãi đỗ Thái-học-sinh thứ hai (tức như tiến-sĩ) khoa Canh-thìn (1400) dưới triều Hồ (10).

Tuy làm chức Ngự-sử-dài Chính-chưởng ở đời Hồ - Hán - Thương (1401-1407), nhưng mâu-đời chính-trị này không được bao lâu, nên không có dấu-vết gì in trên sử sách.

Họ Hồ, đồ ! Người Minh quận huyện nước Nam (1414-1417) !

Ôm hai chữ « thao hồi », tiên-sinh lánh nạn, tạm lui về ở Côn-son (thuộc huyện Chí-linh, Hải-dương), không chịu phụ họa với bọn Nguyễn-Huân (11), Đỗ Duy-Trung (12) và Lương Nhữ-Hốt (13).

Phi-Khanh cũng mang cái chức Hàn-lâm Học-sĩ của triều Hồ Hán-Thương về ẩn ở điền-viên.

Vì muốn xóa hẳn màu-sắc An-nam trên mặt bản-đồ thế-giới, người Minh cố sức trừ diệt hết các phần-tử hoặc phản-động, hoặc ẩn-độn...

Bởi vậy, Phi-Khanh và hai con là

Phi-Bảo, Phi-Hùng mới bị người Minh bắt sống, điệu về Kim-lăng (nay là Nam kinh) (14).

Sự-sùì khọc... Nguyễn Trãi theo cha đến của ải Nam-quan.

Với g ọng khảng khái, Phi-Khanh yên-ủi Trãi :

— « Ta nay già rồi ! Để hai em nó theo đi nhứt lấy năm xương đem về cũng đủ. Còn con ? Con nên trở về, rửa hờn nước, phục thù nhà, thế mới là đại hiếu ; chứ cần gì phải theo đi, quanh quẩn ở dưới gòì cha mới là hiền thảo ? »

Trước cảnh gia biến, quốc nguy ấy, Nguyễn Trãi quay về, đi theo tiếng gọi của thần Nghĩa-vụ...

Có lẽ trước khi theo đức Lê Lợi, khởi nghĩa ở Lam-son, Nguyễn Trãi đã thực tiến mấy chữ « minh triết bảo thân » mà hàng ngày chỉ vui đầu trên án sách, không muốn giao-thiếp chu-toàn với khách tục, cố tìm cái « tĩnh » trong cái « động » vô-hình.

Khi thấy mưa một vùn rày « bột » trong sân, hoa luyến tươi cười mừng chủ, tiên-sinh không khỏi nóng lòng trước cảnh xuân đã sắp già tiếng cuộc bên tai khắc-khoải ! Rồi tiên-sinh bất giác cất giọng cao ngâm :

« ... Đỗ vũ thanh trung, xuân hương lão !... »

Câu thứ ba ấy thật đã tả rõ tâm sự một người lo dân thương nước đương « ngồn-ngang trăm mối bẽ lòng... »

Nhân bốn câu thơ đó, ta nghĩ thấy cái học « chủ tĩnh » của nhà nho, nỗi ưu-ái của nhà chí

(Xem tiếp trang 2)

Bia Văn miếu

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 52

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

43. — Nguyễn-kính-Hải, người xã Tân-ốc, huyện Hưng-sơn, phủ Đức-quang, tỉnh Hà-tĩnh. Năm 31 tuổi đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân khoa Mậu-tuất, 1478, đời vua Lê Thánh-tôn. Làm quan đến hiến-sát-sứ (chép theo bia Văn-miếu Hà-nội, sách *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 26 a, và sách *Đăng khoa bị khảo*, thư tập trung, tờ 29 a).

44. — Đào-Lâm, người xã Dương-triều, huyện Thiên-tài, phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Năm 18 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa Mậu-tuất, 1478. Làm quan đến hiệu-thảo (*Nam-sử tập-biên*, sách Bắc-cổ, số A 12, quyển 3, tờ 75 a). *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 26 a, chép tắt « làm quan đến Hàn-lâm ».

45. — Hoàng-Hiến, người xã Kiệt-thạch, huyện Thiên-lộc, phủ Đức-quang, tỉnh Hà-tĩnh. Năm 35 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa Mậu-tuất, 1478. Làm quan đến Lễ-khoa cấp sự-trung (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 26 a). *Đăng khoa bị khảo* (thư-tập trung, tờ 2 b) chép ông làm quan đến Hiến-sát.

46. — Đỗ-Cận, tên tự là Hữu-Khác, tên hiệu là Phồ-sơn (*Đăng khoa bị khảo* quyển Hải-dương, tờ 89 a, chép tên hiệu ông là Tấn-sơn). Người xã Thống-thượng, huyện Phồ-yên, tỉnh Thái-Nguyên. Năm 45 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa Mậu-tuất, 1478. Nguyên trước tên là Đỗ-Viên, vua Lê Thánh-tôn cho tên là Đỗ-Cận. Mùa đông năm qui-mão, 1483, phụng mệnh sung chức phó-sứ sang nhà Minh về việc tuế-cống. Làm quan đến thừa-chính tỉnh Quảng-nam. *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 26 a) và *Đăng khoa bị khảo* (quyển Hải-dương, tờ 98 a) chép ông làm quan đến thượng-thư. Ông có làm bài *Kim lăng ký* chữ nôm, người ta tranh nhau truyền tụng. *Toàn-Việt thi-lục* (sách Bắc-cổ số A 1262, quyển 13, tờ 2 a) còn chép hai bài thơ cận-thề của ông, đề là *Xuân-yến* (chim yến mùa xuân) và *Thái-thạch vãn bạc* (chơi thuyền buổi chiều ở Thái-thạch).

47. — Đặng-Cung, người xã Văn-đoàn, huyện Quế-duong, phủ Từ-sơn, tỉnh Kinh-bắc. Năm 19 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa Mậu-tuất, 1478. Làm quan đến Hàn-lâm-viện

hiệu-thảo (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 26 a; *Nam-sử tập-biên*, quyển 3, tờ 75 a).

48. — Lê-Giám, người xã Phù-long, huyện Hưng-nguyên, phủ Phù-đô, tỉnh Nghệ-an. Năm 27 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu-tuất, 1478. Làm quan đến Lại-bộ hữu thị-lang, vào hầu toà Kinh-diên *Đăng khoa bị khảo*, thư-tập trung, tờ 43 a).

49. — Võ-Kiệt, người xã Sa-lung, huyện Tây-chân *Đăng khoa bị khảo* chép là Nam chân phủ Thiên-trường, tỉnh Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa Mậu-tuất, 1478. Làm quan đến cấp-sự-trung (*Đăng khoa bị khảo*; quyển Sơn-nam, tờ 82 b; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 26 b).

50. — Hoàng-công-Đảng, người xã Man-nhuế (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 57 a, chép là xã Thượng-dặng) huyện Thanh-lâm, phủ Nam sách, tỉnh Hải-dương. Ngụ ở xã Đồng-kê. Năm 32 tuổi (*Đăng khoa bị khảo* chép rõ là 32 tuổi) đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu-tuất 1478. Làm quan đến thượng-thư được phong tước Phú-thọ nam, về trí-sĩ (*Đăng khoa lục* quyển 1, tờ 26 b). *Đăng khoa bị khảo* chép ông bắt đầu tri phủ Hạ-hồng, dần dần thăng đến thượng-thư được tước bá về trí-sĩ.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Là người Việt-Nam, ai cũng nên dùng :

Dầu Việt Nam, hiệu Thiên Thải

do cha Chúc, chánh xứ Tự-Liệt Văn-Điền (Hà-đồng) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bắc không rần lại, ngọn đèn không lụi đi.

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, hỏi tại tổng phát hành ở số nhà 58 bis, phố Huế (chợ Hòm) — Hanoi

TRA NGHĨA CHỮ NHỎ

Số 31

Ứng-hoè NGUYỄN-VAN-TU

TRƯỚC kia đã nói rõ hai lối « phúc » ở tranh « tam đa » : một là phúc, thọ, đa nam (nghĩa là sung-sướng, sống lâu và nhiều con gái) ; hai là phúc, lộc, thọ (sung-sướng, bổng-lộc, sống lâu). Còn một lối nữa ở thiên *Hồng-phạm* trong Kinh Thư. « Hồng-phạm » là cái phép-tắc rộng lớn của giới đất từ đời trước để lại ; năm phúc ở thiên *Hồng-phạm* là : sống lâu, giàu-có, yên-ôn, yêu đức tốt, làm chọn số mệnh, do chữ nhỏ ở kinh Thư là « ngũ phúc : nhất viết thọ, nhị viết phú, tam viết khang-ninh, tứ viết du hiếu đức, ngũ viết khảo chung mệnh » *Ngũ Kinh tường-thuyết*, Chu-thư *Hồng-phạm*, quyển 42, tờ 34 a). Người ta thường nói « ngũ phúc », cho nên các nhà mỹ-thuật thường vẽ năm con dơi, tức là năm phúc, vì con dơi là chữ phúc, gần đồng-âm với với chữ phúc.

Những lọ, bát, đĩa, hoặc tranh vẽ, thêu, khắc, v. v., thường biểu-hiệu nam phúc. Có cái vẽ hai đứa trẻ con ngồi cạnh một cái chậu, một đứa nằm con dơi, chỉ trông thấy cánh, một đứa giơ tay bắt được một con dơi khác, sắp-sửa cho vào chậu ; còn bả con dơi nữa đang bay, nhưng người ta có thể đoán được rồi hai đứa trẻ ấy bắt nốt cả ba con, tức là năm được cả năm phúc. Bên cạnh vẽ một người trông dữ-dội, có vẻ anh-hùng rơm : người ấy là Chung-Quì, ngảnh lại trông hai đứa trẻ, hình như bảo chúng nó là bao nhiêu việc xấu đã gạt đi cho cả. — Tại sao lại gọi người ấy là Chung-Quì ? Theo bộ

Từ-nguyên, « thế-tục tương truyền về việc Chung-Quì trừ quỷ, thấy trong sách *Thiên-trung-ký* chép đặt-sử đời Đường rằng : Khi Đường Minh-hoàng bị bệnh ngược, ban ngày mộng thấy một con quỷ lớn, đội mũ rách, mặc áo lam, đai bằng sừng, đi hai lối đại-trào, bắt các tiều-quỷ rồi ăn hết, tự xưng là tiên-sĩ ở Chung-nam, tên là Chung-Quì, vì đi thi không đỗ, gặp đầu xuống thêm chết. Vua Đường Minh-hoàng tỉnh dậy thì khỏi bệnh, ban chiếu cho Ngô-đạo-tử theo hình-dạng như thế mà vẽ tượng... Về đời Đường, thịnh-hành, nên cứ đến cuối năm thì viện Hàn-lâm vẽ tượng Chung-Quì đề dâng, rồi cho các đại thần và dân-gian dán trên cửa ; đến đời Nguyên, đời Minh cũng thế. »

Nhân nói chuyện Chung-Quì, nên nói đến các vị thần-tiên bên Tàu. Có bức thêu hai đứa bé, gọi tên là Hòa Hợp : một đứa cầm hoa sen, một đứa cầm cái hộp : hoa sen là chữ « hà » (quan-thoại đọc là *ho*, đồng-âm với chữ « hoà », cũng đọc là *ho* ; cái hộp là chữ « hạp » (*ho*), đồng-âm với chữ « hợp » (*ho*), tức là hai người hòa-hợp. Cạnh có Lưu-Hải đương cầm một chuỗi tiền vàng chơi rớt trước mặt con cóc ba chân. Con cóc là chữ « thiềm » ; hình như điển này dùng sai nghĩa, vì chính Lưu-Hải tên là Lưu-hải-Thiềm, lúc đầu không hiểu nghĩa (hay cố ý làm ra như thế), mới diễn điển Lưu-Hải với con « thiềm ». Những đồng tiền vàng ở tay Lưu-Hải cầm đó, là biểu-hiệu sự giàu-có, sự bằng lòng.

Rồi đến bát tiên, thì dễ nhận, vì

có biểu-hiệu riêng, mỗi người cầm một thứ ; như Lý-thiết-Quài thì vẽ một ng rời an mây chống gậy, trên lưng có cái bầu, cái bầu ấy là hồn của Lý-thiết-Quài ở trong ấy bay ra. Nguyên Lý-thiết-Quài là người khôi-ngô, lúc nhỏ theo học đạo tiên ở một núi kia, Lý Lão-quân thường xuống sơn-trai dạy. Có một hôm, Lý-thiết-Quài đi đến Hoa-sơn vì Lão quân hẹn đến, khi đi có dặn học-trò rằng : « Xác ta ở đây, nếu hồn ta đi bảy ngày mà không về thì hóa đi ». Không ngờ trong khi ấy người học trò có mẹ ốm, nóng ruột muốn về thăm mẹ, nên mới có sáu ngày mà đã đem xác Lý-thiết-Quài ra đốt ; đến ngày thứ bảy Lý-thiết-Quài về không có xác, nhân có người an mây chết đói, liền nhập vào, cho nên hình-dạng mới vậy-vì như thế (*Liệt-tiên truyện*, quyển 1, tờ 12 b).

Hàn tương tử thì vẽ có cái sáo Chung lý Quyên thì vẽ có cái quạt, cũng có khi gọi là Chung lý Muội Lam-thái Hòa tay xách lang hoa Lã động Tàn tay cầm phất trần, đeo gươm sau lưng, cũng có khi gọi là Lã thuần Dương. Trương Quả thì vẽ tay cầm một cái nhạc khê, cũng có khi gọi là Trương quả lão Tào-quốc-cửu tay cầm chũm-chọc. Hà-tiên-cô tay cầm giỏ hoa.

Tám vị tiên này cùng nhiều vị tiên khác, theo đạo Lão, tu luyện đến bậc tráng-sinh bất-tử. Tại sao lại chọn tám vị tiên này mà vẽ làm một bộ, cũng có khi vẽ chung làm một bức tranh, gọi là bát tiên ? Điều đó không biết được đích-xác. Có lẽ tại có nhà mỹ-thuật nào vẽ trước, rồi sau cứ thế bắt-chước nhau mãi. Trong *Từ-nguyên* cũng nói : lối bát tiên theo tục truyền

(Xem tiếp trang 13)

LƯỢC XÉT NGUYÊN-NHÂN SỰ BẠI VONG-CỦA

NU'ỐC CHIÊM-THÀNH

VÀ NHỮNG ẢNH-HƯỞNG CỦA NGƯỜI CHIÊM MÀ DÂN-TỘC TA ĐÃ CHỊU (1)

Số 1

Mãn-khánh DƯ'ÔNG-KY

TRƯỚC khi vào đề, chúng tôi tưởng nên nói sơ-lược vài điều về địa-dư và lịch-sử Chiêm quốc.

Địa-dư. — Đất-đai của nước Chiêm-thành xưa cũ, đại-đề về phía Bắc giáp núi Hoành sơn, phía Tây, theo Tống-sử (2), giáp Vân-nam, phía Nam, theo sử Chân-lạp (Chronique des Anciens rois du Cambodge) (3), thì có lẽ giáp biên-thủy nước Cao-man bây-giờ. Vì, theo sử Chân-lạp ấy, vào năm 289 trước Thiên-chúa giáng-sinh, người Khmer đuổi vua Chiêm tên là Aschay ra khỏi đất Chân-lạp. Vua dân Chiêm phải về phía Đông-Nam, quá các cửa sông Cửu-long. Như thế thì nước Chiêm-thành gồm có xứ Nam-kỳ, một phần lớn xứ Trung-kỳ và một khoảnh to ở dãy núi Tráng-sơn bây-giờ nữa. Nhưng, như đã thấy trên, họ ở Nam-kỳ cũng không được bao-lâu; còn về miền Bắc, từ quận Nhật-nam (Thừa thiên) trở ra thì họ mới chiếm sau này, khi trước đó chỉ là những bộ-lạc của thổ-dân mà Triệu-Võ-đế đã chinh-phục một cách dễ-dàng trong nam Giáp-ngọ (4) (207 trước Thiên-chúa).

Người ta thường ví xứ Trung-kỳ vì một đòn gánh, gánh hai thùng là Nam-kỳ và Bắc-kỳ. Chúng tôi tưởng lời ví ấy ấy rất đúng: như một đòn gánh có mắt, xứ Trung-kỳ có những dãy núi chạy

từ Tráng-sơn ra biển, chia thành từng khu-vực nho-nhỏ, đường giao-thông khu vực nọ sang khu-vực kia khó-khan, hiểm-trở, nhất là về thời nước Chiêm-thành. Theo địa-thế ấy, ta có thể lược-định vị-trí các châu của nước Chiêm-thành xưa như thế này: từ núi Hải-vân trở ra Bắc, đại-đề có những châu Ô, châu Rý...; châu Amaravati (Thị bị châu của Tống-sử?) thì ở Quảng-nam, Quảng-ngãi, châu Vijaya ở Bình-định, Phú-Yên; châu Kauthara ở Khánh-hòa, và châu Panduranga ở Ninh-thuận, Bình-thuận bây giờ. Nhưng Tống-sử (5) lại có chép một châu ở phía Tây, và mệnh-danh là Thượng-nguyên châu, giáp-giới với Vân-nam. Châu ấy ở miền núi, nên người Chiêm gọi là châu Cao, rồi người Tàu lại dịch thành Thượng-nguyên châu. Có lẽ ở trên dãy núi Tráng-sơn bây giờ, vì nhan-nhãn trên ấy người ta còn thấy dấu-tích dân Chiêm. Hoạc giả đó chỉ là những bộ-lạc của các giống Mọi (Kiratas) mà người Chiêm đã kể như là chư-hầu hay thuộc-quốc của họ.

Lịch-sử. — Người Chiêm nguyên là giống Mã-lai thường hay di-cư chỗ này sang chỗ khác. Một ngày kia những đoàn thuyền của họ đến dải đất nói trên, cướp lấy, đồn dân bản-xứ lên núi (dân này người mình gọi trung là Mọi,

các bia Chiêm lại gọi chung là Kiratas), rồi lập thành nước. Họ không đem theo đủ đàn-bà, nên đã phối-hợp với một số dân Khmer và dân bản-xứ mà làm thành một dân-tộc ta thường quen gọi là Hời. Chăm, mà sử ta thì gọi là Chiêm-thành.

Nhưng đến câu hỏi người Mã-lai đã đến đây lúc nào, thì hiện nay chúng tôi chưa thấy một câu trả lời nào thích-đáng. Theo sử Chân-lạp viện-dẫn trên kia, có lẽ họ đến đây đã lâu trước năm 289 (trước Thiên-chúa). Nhờ thế mới có đủ thi-giờ lập thành nước, có vua, có tội, đề sau này bị người Khmer đánh đuổi.

Bị người Chân-lạp dồn họ lần lần theo các đồng-bằng rải-rải miền duyên-hải xứ Trung-kỳ về Bắc tiến.

Dân Chiêm-thành đã chịu ảnh hưởng văn-minh Ấn-độ rất sâu xa từ văn-chương (bia Vê-cảnh (6), bia Mỹ-sơn (7) vân vân...) cho đến mỹ-thuật, tôn-giáo. Nhưng về tôn-giáo lại có một đặc-sắc riêng Đạo Bà-la-Môn đạo Phật sang Chiêm thành thì gặp đạo Hồi-hồ và các tín ngưỡng nhằm-nhí của dân nước ấy cùng những tập-tục mà họ còn giữ của tổ-tiên là người Mã-lai. Dân Chiêm-thành lại hay thờ-cúng các ông vua anh-hùng hoặc những vị quan và tư-nhân có công với Chiêm-dân, Chiêm-quốc

Nhiều khi cùng trong một đền, một tượng thần, người Chiêm thờ một vị thần của đạo Bà-la-môn và ông vua đã có công xây dựng lên đền ấy. Như ở Khánh-hòa, trong tháp Ponagar, ta thấy rõ-ràng tượng của Umá vợ Civa, thế mà người Chiêm lại đến đó cúng-quẩy nữ thần của họ Pô-Ino-Nogar).

Hiện nay tôn-giáo của họ là một mớ hồ-lồn gồm các tôn-giáo nói trên và những tín-ngưỡng Chiêm Việt lẫn-lộn. Dù cho đến các đạo-sĩ như Basaih, Camenei... cũng không hiểu rõ-ràng nguồn-gốc tôn giáo họ đang theo và đã đi rất xa các điều dạy của kinh Khả-lan, kinh Véda và các kinh Phật. Phần nhiều, các kinh của họ đầy những chữ phạn đã biến thành một thứ chữ, thứ tiếng, mà chính các đạo-sĩ ấy cũng không hiểu nghĩa là gì. (8)

Văn-minh Ấn-độ đã giúp dân Chiêm lập thành một cường-quốc tung-boành trên bán-đảo hình chữ S này từ đời xưa đời xưa, cho đến năm 1471.

Về phía Tây-Nam, tiếp-giáp với một dân-tộc hùng-cường là người Khmer đã xây lên được các đền-đài nguy-nga, tráng-lệ ở Angkor. Người Chiêm bị dân-tộc này kiềm về mặt ấy, không bành-trướng được, liền tìm cách Bắc tiến. Phải chăng vì thế mà họ cho phương Đông-Bắc (esan) là phương đáng thờ, khi nào cúng-quẩy, họ cũng rảy nước Đông-Bắc. và làm nhà thì trở mặt về Bắc phương?

Sách *Đỗ-thì-thông-diễn* (9) cắt-nghĩa việc người Chiêm xây hướng nhà về phương Bắc như thế này: « Phạm-Phật (vua Lâm-ấp nghĩa là vua Chiêm-thành) đánh Nhật-nam (349), thái-thủ là Quán-

Thông chế Pétain

đã nói :

« Sự cứu vãn nước Phap
chính gửi vào tay Bản-
chức và cả Quốc-dân ».

Thuý đánh đuổi Phạm-Phật thâu Lâm-ấp. Khi ấy vào tháng nam. Bèn dựng nhật-biêu (cái que cắm giữa đất, đời xưa dùng để tính thì-giờ), thì mặt trời ở phía Bắc nhật-biêu, bóng biêu tại phía Nam, dài 9 tấc 1 phân. Cho nên mới mở cửa nhà về phía Bắc để vẫy hướng về mặt trời ».

Nhưng chẳng may cho dân Chiêm, nếu họ làm nhà hướng Bắc, để tiêu-biêu ý định Bắc-tiến của họ, thì dân Đại-Việt lại xây mặt nhà về phương Nam để tiêu-biêu chí-hướng Nam-tiến của mình. Xem như thế thì ta thấy nước Chiêm-thành bị kẹp giữa hai dân-tộc đều có một hoài-bảo là thôn-tính đất-đai của họ. Họ muốn bành-trướng là một việc rất khó-khăn. Trong bài chiếu thân chinh Chiêm-thành, (10) vua Lê-Thánh-Tông đã dùng một câu trong kinh Dịch để tả tình thế khó-khăn ấy của dân Hời : « Cấn hạn huân tâm », nghĩa là « chặn xương về lại thì nóng lòng ».

Rồi từ khi Chiêm Việt gặp nhau, thì đã xảy ra việc hai dân-tộc ấy giành nhau sự sinh-tồn gần hai thế-kỷ, trên mảnh đất Trung-kỷ bây giờ.

Phía Nam người Chiêm-thành phải chống-cự với sức bành-trướng của dân Khmer, có khi đã bị dân ấy chinh-phục (như trong khoảng 1203-1220) (11), nhưng lại quật-

cường, đuổi được quân xâm-phạm ra khỏi nước.

Rồi đến người Mông-cổ, hùng-hồ kéo sang. Dân Chiêm-thành lại thêm một phen đau-khổ. Nhưng rốt cuộc được thắng-lợi, tướng Mông-cổ, Toa-Đò, phải kéo quân đi. Đến đây ta thấy lần đầu và cũng lần cuối-cùng có sự giao-hảo đáng kể giữa Chiêm-thành và Đại-Việt là hai nước thù nhau từ đời nọ sang đời kia. Trước những đạo quân mãnh-liệt của người Mông cổ, hai nước thấy cơ nguy đã đến, liền bắt tay nhau để cùng chống cự với một kẻ thù chung.

Nhưng sự giao hảo ấy chẳng được bao lâu, người Mông-cổ kéo đi, thì cuộc đâm chém rất khốc-hại giữa hai dân-tộc lại tái-diễn. Cũng có lúc dân Chiêm-thành đại-thắng quân Việt, phá thành Thang-long, như dưới đời Chiêm vương Chế-Bồng-Nga. Nhưng dân Đại-Việt, sau khi đuổi được quân nhà Minh, củng-cố thế-lực trong nước, đến đời vua Lê-Thánh-Tông thì ồ-ạt kéo vào đánh tan quân của Chiêm-vương Ma-hà Bàn-la Trà toàn, thôn-tính một phần lớn Chiêm
(Xem tiếp trang 19)

Đã có bản

THI - HẢO

TAGORE

Một công trình khảo cứu rất giá trị của ông **Nguyễn-văn-Hai**. Bia do họa sĩ **Nguyễn-văn-Mười** trình bày. Bạt của thi sĩ **Nguyễn-thiên-Thu**. Sách 400 trang in trên giấy bản dày. Giá 4\$80
Nhà xuất bản **TÂN-VIỆT**
29, LAMBLÔT — HANOI

QUYỀN THI-VĂN BÌNH-CHÚ

Số 4

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

III. — Bà huyện Thanh - quan

VỀ đoạn bà Huyện Thanh-quan, nên thêm tên hiệu của bà là Nhân-khanh, vì những thơ của bà, sách chữ nôm thường đề là *Nhân - khanh thi-tập* (xem ở quyển *Quốc-văn tùng-ký*, sách viết của Trương Bắc-cổ, số A B 383, tờ 42 b).

Những bài thơ ấy, nên chưa rõ xuất-xứ ở đâu. Bài văn cò nào cũng phải chưa như thế, đề đọc, giả khỏi nghi-hoặc. Trong quyển *Thi-văn bình-chú* ông Ngô Tất-Tổ chỉ chưa rằng: « nay theo như bản cò... » (trang 68); chỗ thì ông nói « nay theo bản chữ nôm cũ, sửa lại » (trang 63). Những sách cũ hoặc bản cò, thì chỉ có quyền chép lại, chứ không có quyền chữa. Nếu biết chắc chữ nào viết nhầm thì chưa thêm, chứ không được tự-tiện sửa chữa, vì những bài văn nôm cò, mỗi người đọc một khác, mỗi người viết một khác. Hình thoảng cũng có một vài bản in, nhưng phần nhiều cũng tự người in viết ra, mỗi người một cách, không có nhất-luật như chữ Tây chữ Tàu.

Nếu không chép đúng và chưa rõ xuất-xứ, tức là không theo cái phương-pháp mà nước nào bây giờ cũng theo, thì không tài nào tin-tồn được văn cò. Có nước chụp ảnh những bài văn cò, in liền với bản in lại, đề cho ai cũng có thể kiểm-diểm được. Về thơ bà huyện Thanh-quan, ta chắc đã tìm được bản cò, vì

chính tên thật của bà cũng không ai biết; nhưng hiện có vài bản nôm, khi sao lại nên chép cho đúng, thì mới mong tìm được nguyên-văn. Lấy ngay mấy bài của ông Ngô Tất-Tổ chép lại, so với bản nôm của Trương Bắc-cổ, là bản ai xem cũng được (chứ không nói chi đến bản nôm của một vài nhà riêng) Bài đầu ông chép như thế này (trang 58):

Chiều thu tức cảnh

« Thánh thót lầu tiều mấy hạt mưa,
Khen ai khéo vẽ cảnh tiều-sơ.
Xanh um cồ-thụ tròn xoe-tán,
Trắng sóa trường-giang phẳng-lặng tờ,
Bầu giốc giang-sơn say trấp rượu.
Túi nghiêng phong nguyệt nặng vì thơ.
Cho hay cảnh cũng ư người nhỉ!
Thấy cảnh ai mà chẳng ngẩn ngơ? »

Ông Ngô Tất-Tổ nói « bốn chữ đầu đề e rằng có lầm », rồi ông thêm một câu: « Cớ coi (?) giọng văn, thì thấy bài này không phải tức cảnh chiều thu mà là tác giả tả cảnh trong lúc đi đường » (trang 59). Chính thế: cái đầu đề ở trong quyển *Quốc-văn tùng-ký* (sách viết bằng chữ nôm của Trương Bắc-cổ, số A B 383, tờ 45 b) và quyển *Việt-túy tham-khảo* (sách viết bằng chữ nôm của Trương Bắc-cổ, số A B 386, tờ 6 a) là *Đi đò buổi chiều*; nguyên-văn hai câu đầu như sau đây:

*Thấp-thoảng non tiên lác-đác mưa,
But thần khôn vẽ cảnh tiều-sơ.*

Xem thế thì cái « bản cò » nào mà ông Ngô Tất-Tổ sao đó, có lẽ nhầm câu thứ nhất và câu thứ nhì, hay là ông Ngô Tất-Tổ chưa đi chẳng, vì hai câu này nói cảnh thiên-nhiên không thể vẽ được, mà hai câu của ông Ngô Tất-Tổ sao ra thì lại nói cảnh có thể vẽ được: cái cảnh vẽ được thì không đẹp bằng cái cảnh không vẽ được; và lại trong câu phá, câu thừa, không ai lại đặt hai chữ « tiều » trùng nhau như thế. Câu thứ năm có chữ « say nhấp rượu », chữ « nhấp » vì là chữ nôm, nên phải viết chữ « chấp »; có bản, như quyển *Việt-túy tham-khảo* viết chữ « khẩu » bằng chữ « chấp », thì có người đọc « nhấp rượu », có người đọc « chộp rượu ». nghĩa là rượu uống ít một, theo lối các cụ ngày xưa khi thưởng rượu thường nhấp tý một, cho nên say lúc nào cũng không biết. Ông Ngô Tất-Tổ chưa chữ « chấp » ấy « như tiếng trấp xe, trấp mã của người đánh cờ thường dùng » (trang 59) thì không đúng. Trong bài thơ này có những chữ « trường-giang » « giang-sơn » đủ rõ là tả cảnh đi đò.

Đến bài « Buổi chiều đi đò nhớ nhà » (trang 67), có lẽ cái « bản cò » nào ông Ngô Tất-Tổ sao ra đó, đã đánh lẫn đầu bài vào bài trên, vì suốt bài không có chữ gì nói đến đi đò cả. Trong bài ấy, câu thứ sáu « Dạm liễu sương sa khách bước dồn », chữ « dạm » ấy ở quyển *Quốc-văn tùng-ký* (tờ 43 a) chép là chữ « dạm »

nghĩa là một dãy, có lẽ hay hơn. Câu thứ bảy « Kể chốn chương-dài, người lữ-thứ », ông Ngô Tất-Tổ nói : « Nếu nhớ một người chị em, thì hai chữ « trang-dài » rất đúng » (trang 68) ; còn chữ « Chương-dài » là điển Liễu-thị, « Dương-dài » là điển Thần-nữ, « cả hai đều là con gái bất-chính, không lẽ tác giả (là bà huyện Thanh quan) lại tự ví cái gia-đình của mình với họ » (trang 68). Cái đó là tại ông Ngô Tất-Tổ nhầm « chương dài » với « Chương-dài liễu » mà cụ Nguyễn Du đã dịch là « liễu Chương-dài » : có chữ « liễu » thì mới là điển bất chính ; còn chỉ có hai chữ « chương dài » thì nghĩa lại khác. Bộ *Từ nguyên* (quyển ngo, trang 238) cắt nghĩa chữ « chương dài » là tên cung, bắt đầu có từ nước Tần đời Chiến quốc ; lại một nghĩa nữa là những nhà cửa của chư hầu đều gọi là « chương - dài » ; xem thế thì « chương dài chỉ là chỗ nhà ở mà thôi. Câu « Kể chốn chương dài, người lữ thứ » nghĩa là người đi đường nhớ người ở nhà, chỉ có thế thôi, chẳng có điển tích gì cả.

Bài *Hoài cổ*, câu thứ ba « Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo », ông Ngô Tất-Tổ phê bình rằng : « không ai có thể trông thấy được hồn cỏ thu » (trang 66), rồi ông nói : có người bảo là chữ « hồn » viết nhầm ra. Nhưng câu ấy phải chữ « hồn » mới hay. Đối với vế dưới : « Ngõ cũ lâu-dài, bóng tịch dương », thì « hồn » đối với « bóng » mới xứng ; vì mùa thu là cảnh buồn, mà bài này lại là bài « nhớ xưa » (*Hoài cổ*), nên mới đặt chữ « hồn thu thảo » ; nếu như ông Ngô Tất-Tổ nói « không ai trông thấy hồn

cỏ thu », thì tôi tưởng hồn nào cũng không trông thấy được, không cứ gì hồn cỏ thu ! Câu này nghĩa là : trông những lối xe ngựa xưa kia, nay chỉ thấy những cỏ úa vàng, thỉnh thoảng hiu hiu như hồn phảng-phất, nên theo nghĩa chữ « hồn », thì cái lối xe ngựa đi từ xưa đến nay đã trải mấy « nghìn năm » rồi, còn « hồn » đâu nữa ! Câu thứ năm « Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt » (trang 65), chữ « tro » ấy, hai bản chữ nôm của Trường Bác-cổ đều chép là chữ « bền », nghe phải hơn, vì chữ « bền gan » đối với chữ « cau mặt » ở câu dưới thì mới đúng : « Đá vẫn bền gan cùng tuế nguyệt, nước còn cau mặt với tang-thương » : nếu dùng chữ « tro » thì ăn vào chữ « đá », đối với bên kia chữ « cau » không ăn gì với chữ « nước » cả ; vả lại dùng chữ « bền » còn được rộng nghĩa : đá cũng bền, gan cũng bền ; nếu gan mà đã « tro » ra ngoài, thì chỉ « nát » đi, chứ không ví được với đá.

Trong quyển *Quốc-van tùng-ký* của Trường Bác-cổ (số sách A B 383, tờ 44 a), có một bài đầu đề là *Chơi Khán-dài* (tức Khán-son) chép vào cuối tập thơ *Nhân khanh* tôi chưa dám chắc có phải là thơ của bà huyện Thanh quan hay không, nhưng cũng chép ra đây, để các nhà chuyên khảo về văn học phê-phán. Bài ấy nguyên-văn như sau này :

*Êm-ái chiều xuân tới Khán-dài,
Lãng-lãng chẳng bận chút
trần-ai.*

*Bốn mùa chiếu-mộ chuông gầm
sóng,
Một vũng tang-thương nước
lộn giới.*

*Bề ai nghìn trùng khôn tát cạn,
Nguồn ân muôn trượng dễ khơi
vơi.*

Nào là cực-lạc là đầu tá ?
Cực-lạc là đầy chín rỗ mười !

Trong quyển *Việt tủy tham-khao* (sách Bác-cổ số A B 386, tờ 7 b) có chép một đôi câu đối tôi cũng không dám chắc là của bà huyện Thanh-quan, nhưng thấy đề là « Vua sai bà huyện Thanh-quan đề vào cái chén của Tàu vẽ sơn-thủy », tôi cũng chép ra đây để thêm vào kho văn liệu nước nhà :
*Như in thảo mộc giới nam lại,
Đem cả sơn-hà đất bắc sang.*

Nếu thật đúng vào đầu đề ấy thì câu này cũng là tuyệt tác.

Thơ của bà huyện Thanh-quan có độ nam sáu bài còn truyền-tung là bài *Đi đò buổi chiều*, *Giới hôm nhớ nhà*, *Qua Đèo Ngang*, *Qua chùa Trấn-bắc*, *Hoài cổ*, *Chơi Khán-dài*, nay đã in ra quốc ngữ cả rồi. Chắc còn nhiều nữa, vì nếu thật có một tập thơ đề là *Nhân-khanh thi tập*, thì không nhẽ một « tập thơ » mà chỉ có sáu bài thế thôi. Tôi ước ao rằng độc-giả nào lưu-tâm đến quốc-van, có thừa thì giờ, nên đến tận quê-quán của bà ở làng Nghi-tâm (huyện Hoàn-long, tỉnh Hà đông), hoặc quê quán chồng bà ở làng Nguyệt-áng (huyện Thanh-tri, tỉnh Hà-dông) mà hỏi tham họ hàng con cháu, may ra còn vớt vát được bài nào nữa chẳng. Người ta nói chồng bà tên là Lưu-Nghi ; nếu đúng thì trong sách *Quốc-triều hương-khoa* (quyển 1, tờ 46) chép « đỗ cử-nhân khoa-tân-tỵ, nam 1821, hiệu Minh-mạnh, thứ hai, trường Sơn-nam, người làng Nguyệt-áng, huyện nhanh tr là em Lưu-Diệu cũng đỗ cử-nhân khoa ấy. Lưu-Nghi làm quan đến tri-huyện rồi bị cách. » (Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN VĂN TỐ

NGUỒN - GỐC HOA - TIÊN KÝ

Số 2

ĐÀO DUY-ANH

Hồi Liễu âm khốc biệt

Nguyên văn chữ Hán là :

Lương-sinh khóc nói với Giao-tiên. Ly biệt ngày nay cách cõi tiên... Tôi đã bái biệt tôn quân; trong tiệc đã hứa cho kết thân. Tiều-sinh không lâu sẽ tìm mối. Cùng nàng đoàn viên hẳn có ngày... Tiều-thư nhìn chàng hai hàng lệ: Chỉ sợ tiền duyên khó định nên. Tuy cha tôi đã nhận lời chàng, song lại còn có cha mẹ chàng... Lương-sinh cầm lấy tay Giao-tiên: Nàng ơi, lời nói trước hoa có thần biết. Nếu không được cùng nàng giai lão, thì bỏ nhà vong mệnh cũng cố tìm... Giao-tiên khóc gọi Lương-công-tử: Bảo trọng tiền trình chớ quá sầu. Có phận thì thiên duyên hẳn có...

Nguyễn Huy Tự dịch là :

Lời ông sinh vội bày trao,
Ý nàng còn sợ ba đào khác
chẳng?

Càng khi diễn ngã khơi chừng,
Càng xui chỉ đỉnh trở vừng
nặng đeo.

Song thơ lại dạn buồng thêu:
Ngọc vàng mình hãy nung niu
lấy mình.

Rày mai kịp ruồi sừ xanh,
Non quê dạm lững đình ninh
bấy giờ!

Buồng thêu lại dạn song thơ,
Sắt son lòng chớ thờ ơ nên
lòng...

Nguyễn Thiện nhuận sắc là :

Xinh rằng: « Chut nghĩa tri giao,
Chưa sum họp, đã nữ nào
chia phối.

Dắt tơ nay mới vằng lời

Đành hay người định thì trời
cũng theo.

Sớm khuya gác gấm buồng
thêu,

Ngọc vàng mình hãy nung niu
lấy mình.

Rày mai lá thắm chim xanh,
Quả mai chi để trên cành bấy
ba!

Tình xa bao quản người xa,
Tương tri có thể mới là tương
tri ».

Rằng: « Nay nam bắc phân kỳ,
Đã đành trắng nợ trời kia với
lòng... »

Hồi Văn gia thắng nhiệm

Nguyên văn chữ Hán là :

Giống giống tương tư khó kể hết. Chợt nghe tin báo cha thắng nhiệm, Tả-quân Đô-đốc quản nhân dân. Lựa chọn ngày lành sẽ lên đường, đem theo gia quyến đến kinh-đô. Giao-tiên nghe xong thêm phiền não, bây giờ hết mong gặp lại chàng! Chân trời đường cách trở núi sông, huống chi chàng Lương lại đã lấy họ Lưu! Bên trời đành trộm kiếp cô miên, hoài bão trăm năm cùng ai tỏ? Sửa soạn áo quần theo mệnh cha. Ngày tốt khai thuyền đề khởi hành. Dầy mắt núi sông luống bận lòng; một giòng nước chảy gọi sầu người. Liếc mắt tâm thần xem cảnh sắc, đa sầu đa muộn ở trong thuyền. Đường đi trải qua nhiều gian hiểm. Đã đến hoàng-đô lên bộ đi.

Nguyễn Huy Tự dịch là :

Pháp phùng chưa nguội bếp
sầu

Dện đầu chợt mảng tin đầu
trước mảnh

Dương gia chuyển nhiệm thăng
kinh

Đề huề chuyển dọn thủy trình
trày ra.

Nỗi mình thêm rộn nỗi nhà,
Khi xa, xa biết là xa mấy
trùng.

Hành trang vội quảng thao
xong,

Con thuyền chen chúc đua
dong cánh lèo.

Giang thiên tám bức sầu treo,
Thành mai trận khói, non chiều
phiến mây.

Nguyễn Thiện nhuận sắc là :

Giang sơn tám bức sầu treo,
Cảnh mây dễ chạnh, sắc chiều
như xui.

Kìa đâu cát bằng một doi,
Mấy chòm cỏ lục lồi thoi trận
nhân.

Kìa đâu mây tạnh chần ngàn,
Lưng đèo xao xác, hợp tan
chợ chiều

Kìa đâu cuối phố quạnh hiu,
Chân trời thấp thoáng con
chèo về khơi.

Kìa đâu bờ bến lồi thoi,
Ngư thôn mắng hóc, mặt trời tỏ
dương

Kìa đâu nghi ngút khói sương
Chày khuya mấy tiếng chuông
vang mái chùa

Kìa đâu nước lạnh trời thu,
Động-dinh băng lãng một hồ
trắng in.

Kìa đâu ban tối đổ thuyền,
Trắng bay hoa tuyết, giăng
thiên một màu.

Kìa đâu trúc lệ nhuộm thân,
Tiêu Tương lịch chích mưa
màu canh chày.

Cảnh kia thêm bận lòng này,
Phượng thành sáng mở, nào
hay đã gần.

Hồi Hàn uyển trùng phùng

Nguyên văn chữ Hán là:

... Ai thương đêm nay khổ
tương tư; đối trắng than dài nhớ
người xa. Tưởng là xa cách, hay
đâu bên quán Lương-sinh, Diệc-
Thương đương đi dạo dưới hoa.
Gió xuân xa đưa tiếng Giao-tiên.
Lương-sinh trong vườn bên nghe
được. Tiếng dụ trong hoa là
tiếng ai? như tiếng chim oanh hót
trên rừng; như tiếng Hạng - nga
trên cung trắng, than thở cô thân
ở Quảng-hàn. Dưới hoa lần bước
tìm tung tích. Những tưởng hạc
ngủ hoa say chẳng có người. Núi
xa mây cuốn vùng trăng trong; cá
bơi trên sóng lặn mặt nước. Nghe
tiếng yêu kiều người chẳng thấy.
Gió bay áo là vào bóng liễu.
Nguyên lai cách vườn người dạo
chơi. Trên đá Thái-hồ nhìn ngó

kỹ, bên hồ thấy người đẹp như
hoa, lấy tay áo là chùi ngấn lệ;
dáng tay giống hệt nàng Giao-tiên;
song dung nhan hơi gầy hai ba
phần. Áo đơn sắc bệnh đứng bóng
gió. Sầu mê àt hầy vì thương tâm.
A-hoàn hai đứa trên đình mát,
cười chỉ trên mây một vùng
trăng. Dáng người chinh thực là
Vân-Hương, cùng với Bích-Nguyệt
hai cô ả. Lòng nghĩ rõ ràng gái
họ Dương, vì sao lưu lạc đến nơi
này? Buồn rầu nhớ lại việc ngày
trước, ruột gan như đứt lẹ tuồn
rơi. Mệnh bạc làm sao cùng đầu
bạc? thề biển ghi non đều hóa
không. Sớm biết phong nguyệt khó
như nguyện, thì xưa đâu giám kết
tình thâm! Tường cao, làm sao
gặp nhau được? Quyết phải cùng
nàng bày gan ruột. Thân bày thước
này xem như bụi. Bỏ mạng cùng
nàng hội hợp lại. Tường cao nhay
phốc xuống bóng hoa. Vừa gọi, Giao
tiên tâm dỏm sợ. Vội bảo con hầu
xem người nào. Nhất gan Vân-
Hương đầy Bích-Nguyệt. Không
ngờ Lương-sinh đã tới nơi. Bích-
Nguyệt hét lên kẻ trộm nào, giám
đến dưới hoa gọi con gái. Lương-
sinh vái nói sao cô đã quên kẻ họ
Lương? Ngày trước bên hoa từng
gặp tiêu-thư, không ngờ ly-biệt
đã lâu năm. Vân-Hương dưới
trăng tự nghe thấy, vội lại bên hồ
báo giai-nhân. Hai người hàm lệ
lại gặp nhau. Thương tình châu
lệ ướt áo là. Chưa nói đã nghẹn
lời trong họng. Vân-Hương, Bích
Nguyệt cũng thương tâm. Lương-
sinh lau lệ hồng bày giải: Thăm
hận núi non cách mây mưa. Năm
xưa từ biệt về quê nhà, ruột đứt
trăm chiu, vì giai-nhân. Đêm nay
may được gặp mặt nhau, xin đem
trung tình tỏ cùng nàng...

Nguyễn Huy Tự dịch là:
Cảnh đâu dễ nhắc lòng đâu.
Màng than tình cũ, thêm sầu
nỗi xưa:

Tiếng kiều cao thấp gió đưa,
Tường trăng sinh cũng khi
vừa dạo thanh.

Than đâu lảnh lợt màu oanh,
Hoa say hạc ngủ, vắng tanh
dấu tìm.

Đá tòa trông cạnh vũng thềm,
Cách tường gió lướt bóng xiêm
một người.

Bào đơn rén trút ngấn rời,
Phải người, song dạng có hời
gầy gầy.

Nguyệt Hương cũng tới sao
đây?

Ruột tâm gan héo đòi giùm
phép phùng.

Tình như bề núi bằng sông,
Vịn leo cành rã quyết xông
qua tường.

Chợt đâu động lũ kinh hoàng,
Báo danh đã tỏ tiếng chàng
tới sau

Mấy niềm tan hợp bởi đâu
Sóng thu cũng nhuộm, cơn ngâu
nửa dòng.

Bớt ngừng sinh mới tự lòng,
Mấy nay xa nhắc điển trùng
nước mây.

Nguyễn Thiện nhuận sắc là:
« Cảnh đâu dễ nhắc lòng đâu,
Những than tình mới, thêm
sầu nỗi xưa:

Ngàn mây trắng bạc như tờ,
Bóng đâu chềch chềch đã vờ
ngang va

Bờ sương đời tuyết bao nài,
Lấy ai ấm lạnh lấy ai ngọt bùi.

(Xem tiếp trang 15)

Giá báo

Mỗi số	0 \$ 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

Tờ truyền Huệ-đức-hầu

NĂM 1796, chúa Nguyễn Ánh có tờ truyền này cho Huệ-đức-hầu nói về việc truyền bồ hầu ấy.

Nguyễn văn bằng chữ hán, tôi xin dịch âm và dịch nghĩa như dưới:

« Truyền Hậu-quân doanh Chính hung phong vệ Khâm-sai Thống-binh Cai-cơ Huệ-đức-hầu Mai-Tiến-Huệ: mẫn-đạt quân-cơ, am-lường binh-sự, viên thuyền vi bản dinh Trung-chi Chánh-trưởng-chi, quân suất nội-chi viên-quân đẳng, tòng mẫu (?) binh quan điều-bất thảo tặc, yếu tại khác cung vũ-phục, triệu mẫn hung-công. Nhược sự-luật phát kiên, nghiêm-điều cụ tại: Khâm tai! Tư truyền. «Cảnh-hung ngũ thập thất niên, tứ nguyệt, nhị thập lục nhật.»

Dịch:

Truyền: Huệ-đức-hầu Mai-Tiến-Huệ, Hậu quân doanh Chính hung phong vệ Khâm sai Thống binh Cai cơ, là người am-lường việc binh, nhanh sáng thông-suốt cơ-mưu quân-sự. Vậy truyền-bồ làm Bản-doanh Trung-chi Chánh-trưởng-chi, quân-suất các quan quân Nội-chi theo mẫu (?) binh-quan điều-khiển đánh giặc. Cần phải làm xứng chức võ, mau lập chiến công. Nếu không kính giữ quân-luật thì đã có điều-lệ nghiêm-nhất ở đây. Phải kính cần đấy!

Nay truyền.

Ngày 26, tháng 4, năm Cảnh-hung thứ LVII.

Đu Nguyễn văn Thụy
âm Minh-mệnh thứ ba (1822),

vua Thánh-tổ cho Nguyễn văn Thụy là người lão-luyện trong việc cai-trị «thuộc-địa», nên có ban thưởng cho ông và viết tờ dụ này lại cử ông làm trấn-thủ Cao-miền, theo-đuổi công-cước bảo-hộ. Nguyễn văn tờ dụ ấy bằng chữ hán, tôi xin phiên âm rồi dịch nghĩa như sau đây:

«Thượng dụ: Nhu-hoài tứ di thuộc-quốc, tuy-tĩnh biên-cương, tu đức kỷ nhân, thủy năng tuyên-bố Triều đình chi uy-đức, dĩ cố ngô ngữ.

«Phả (?) nhĩ Nguyễn-van-Thụy, ở Tiêm-la, Cao-miền chư lao-quốc, nhân vật chi phong-tục, tình-hình, sơn-xuyên chi viễn, cận, hiem, dị, túc sở am-tập thực thức. Cố ủy dĩ bảo-hộ Cao-miền quốc ấn, vụ biện-lý biên sự. Hử cửu dĩ lai, thực năng cử chức. Nhi cai Phiên-vương tổ chất hôn-dung, tích tại sung-linh, thiên thính phỉ-nhân, dữ nhĩ tăng hữu bất hợp. Tri nhĩ tâm chung bất năng an, tương dĩ niên lão vi từ hồi tị kỳ nhậm.

«Đệ niệm cai Phiên-vương tư dĩ trưởng-thành, đặc nhĩ bất niệm cự ác chi chính nhân tương thân tiem ma chỉ-lệ, hoặc giả năng tự oán ngãi, hồi cải tiên phi, khả sử vi thiện nhân, thượng bửu vọng dã.

«Huống cai-quốc đại-thể tuy dĩ thanh-ninh, nhiên kỷ gian cơ-vụ phân-noa do vị tự tự. Nhĩ nghĩ dĩ tiên quốc-gia chi cấp vi tâm, tuy sự qui thổ, tỉ đặc thoa-hiệp. Kỳ trùn năng tiêu hiem bất tất giới để.

«Đặc tứ nhĩ tương sắc mãng-đoạn nhất sắt, hồng-lam tất-chi các nhĩ sắt, dụng thường thủ lao. Nhĩ nghĩ chi lĩnh, nhưng cự cung chức, dĩ phó Trầm giản tri nhậm-sử chỉ ý. Khâm thủ.

TÒA NHÀ TRUNG BÀY LỊCH-SỬ XỨ NAM-KỲ Ở HỘI CHỢ SAIGON

NĂM 42-43

Số 2

Biệt-Lam TRẦN-HUY-BÁ

« Minh - mạng tam niên, thất nguyệt, sơ nhất nhật. »

Dịch:

Vua dụ: Đề làm cho thuộc-quốc rợ mọi bốn phương đem lòng mến đức và nơi biên thủy được yên ổn, cần phải chọn được người

tốt mới có thể tuyên-dương cái uy-đức của Triều-dình, giữ vững bờ-cõi của ta.

Nguyễn văn Thụy! nhà người đối với những nước như Tiêm-la, Cao-miền, đã quen thuộc, biết rõ tình hình phong tục nhân vật và

TÙY HÙNG

Nhấn người phương trời

Bao đêm ấy, — Em có biết! —

Gió tinh-thần thổi sóng thời-gian,

Lay hồn tỉnh trong giấc điệp,

Đưa về nơi bến cũ đấng tàn...

Nơi bến cũ, trăng tà mái rạ,

Với đôi ta sương phủ đào hoa.

Mưa cánh rụng, giòng em lã-chã,

Thắm ngọc nhàu nếp quần-ba... (1)

Giải lụa bạch lừng-lờ thượng-khi. (2)

Muôn sao vàng rử-rỉ ràn-ai,

Rồi lắng lắng nghe ng se-se

Lựa phim yêu, hòa hiệp mê-loi...

Về mê-toi — Em ơi lòng khoe mắt,

Trên mọi hồng đôi tay chia tay

Giữa tịch-mịch (3) không-gian bốn-mặt (4)

Đang xoay vần, chuyển (5), đảo-diễn say,

Phủ bí-mật lên tâm họ-rực,

Nhuộm thiêng-liêng trẻo mảnh tình thơ,

Trút ngáy-ngất vào tim thồn-thức:

« Phải xa nhau, thượng tôn thờ. »

18-4-1943

MINH-TUYEN

1) Sóng quần.

2) Région éthérée.

3) Chỉ tịch tịch giả theo của người ta.

4) Đây ý nhớ đến không-bốn chiều của Minkowski (espace temps à quatre dimensions).

5) Cái chuyển biến thực sự.

6) Hô là thứ nhạc khí nhạc nhĩ.

chỗ xa, chỗ gần, chỗ hiem, chỗ dễ của núi sông nước họ. Vậy giao cho người chiếc ấn bảo-hộ nước Cao-miền, chăm lo sửa-sang công việc ngoài biên-thủy. Đã từ lâu nay, người làm thực đã xứng chức. Thế mà phiên-vương ấy tư-chất vốn mờ-lối tầm-thường, trước kia, khi còn nhỏ tuổi, quá nghe những kẻ chẳng ra gì, đến nỗi có điều không hợp với nhà người.

Ta biết nhà người trong lòng vẫn không được yên, sẽ lột miệng bằng cơ tuổi già để tránh nhậm-vụ.

Nhưng nghĩ: phiên vương ấy nay đã trưởng-thành; lại được nhà người là người chính-trực, không trấp lỗi cũ, ở gần để thăm mai nữa, có lẽ vương ấy sẽ biết sửa mình, hối lỗi, mà còn có hi-vọng diu-dắt cho làm thiện-nhân được chăng. Huống chi nước ấy, đại thể tuy đã êm thắm, nhưng tự trung có nhiều công việc hãy còn rối bời chưa gỡ xong. Người nên giữ tâm lòng lấy việc quốc gia làm cần kíp trước nhất: tùy cơ mà xếp đặt cho có quy-cử, khiến mọi việc được ổn-thỏa. Còn chút hiem-khích nhỏ ngày trước thì bất tất phải bận lòng.

Riêng ban cho người một tấm đoạn hoa màu (?), hai tấm tất-chi (?) màu đỏ, hai tấm tất-chi (?) màu lam, để thưởng công-lao một cách đặc-biệt.

Vậy người nên kính cần mà lành lấy, rồi cứ giữ chức như cũ để phỉ cái chí-ý của trẫm biết đing người. Kính đấy.

Ngày mồng 1, tháng 7, năm Minh-mệnh thứ ba (1822).

(Còn nữa)

Biệt-Lam TRẦN-HUY-BÁ

Vì số này nhiều bài, nên bài « Triết học » của Nguyễn Đình-Thị và bài « Văn-đề sáng tác một chuyên ngữ triết-học » của Lê Thanh phai tạm hoãn đến kỳ sau.

Tra nghĩa chữ nho

(Tiếp theo trang 5)

trong Thần-tiên thông-giám, không chép đến, chỉ có kịch-bản đời Nguyễn có tiền « bát tiên khánh thọ »: cứ như thế có lẽ bắt đầu từ đời Nguyễn. Còn bát tiên của nước Thục, bát tiên của thơ Đỗ-Phủ và bát tiên của Hoài-nam-công thì khác.

Có cái lọ, bát, đĩa, hoặc tranh thêu, vẽ, khắc, trên ba ông phúc, lộc, thọ, dưới tám vị tiên, trên giới có bà Tây-vương mẫu cuối hạ, có hai người thị nữ cầm quạt và theo hầu; dưới thuyền có hai đứa ở gai trông cây đào tiên, sự Đông-phương-sắc an trộm. Ở trên thượng đình có vẽ Khuê-tu là ông thần coi về việc thi, đương cầm bút thần đề phê phán. Chấm như thế là đủ cả các phúc.

Cũng có cái lọ chỉ chấm vài ông tiên: có cái chấm cả tám vị tiên đón bà Tây-vương mẫu; có cái chấm tám vị tiên đứng trước ông thọ cười hươu, tay cầm quả đào, gọi là « bát tiên thượng thọ », nghĩa là tám vị tiên dâng thọ.

Có khi không vẽ tám vị tiên, chỉ vẽ những đồ biểu-hiệu của tám vị tiên, như cái quạt của Chung-ly-Quyên, cái gương của Lã động-Tân, v. v., người Tàu gọi là bát-bửu. Còn bát-bửu do đạo Phật mang sang thì khác. Ngày xưa ở Ấn-độ thường khắc vào chân những pho tượng Phật tám cái dấu-hiệu, chữ phạm gọi là « ashta mangala »: một là cái dấu-hiệu ở ngực Vishnou, hai là hoa sen, ba là lá cờ, bốn là lọ nước, năm là phất trần, sáu là ba cái lông, bảy là con cá, tám là cái ốc hoặc là tù-và. Bát-bửu đề thờ thần ở nước Nam ta thì khác (Lược dịch cuốn Edouard Chavannes, De l'expression des vœux dans l'art populaire chinois).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-T-

CÁCH ỨNG DỤNG CÁI PHƯƠNG PHÁP KIA

Số 5

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

Xem bảng đối chiếu Pháp, Việt, Hóa-học chuyên-môn tự dưới đây làm tỷ-dụ thời hiểu :

Bảng đối chiếu Pháp Việt chuyên-môn tự

TIẾNG PHÁP	TIẾNG VIỆT	LỜI CHÚ
Corps simples	Nguyên tố : Nguyên	Một đoạn hai chữ, lấy một bỏ một, cho tiện.
Corps composés	Hợp tố : Hợp	
Acide	Giấm	Lấy tiếng thường ngữ của ta, rồi định nghĩa khoa học cho chúng.
Sel	Muối	Chữ nho thường ngữ của ta mà âm và nghĩa tương tự tiếng pháp.
Base	Bản	Một đoạn thường ngữ bằng chữ nho. Ba chữ rút lại còn hai ; Hai chữ rút lại thành một bằng lối nói riu (contraction).
Oxydes	Dưỡng hóa vật : Dưỡng vật : Dặt	Một đoạn thường ngữ, nhưng dùng lối nói riu để rút lại thành một chữ mới tinh tạo không được.
Réagir	Hỗn hóa nói riu lại (contracté) vẫn còn nguyên chữ Hóa. Hỗn hóa, lái lại thành Hóa hỗn, lấy tiếng Hóa chẳng hạn.	Gặp trường hợp này, phải dùng lối nói lái (Métathèse) lấy một, bỏ một.
Combiner	1) Hợp hóa : <i>Họa</i> 2) Kết hợp : <i>Hợp</i>	Lái lại thành Họa hợp, lấy tiếng Họa, bỏ tiếng Hợp chẳng hạn.
Oxyde	Ốc	Lái thành Hợp kết, lấy tiếng Hợp chẳng hạn.
Acide	Xít	Mấy chữ này, dùng lối Việt hóa tiếng pháp tiện lợi hơn, vì thường phải dùng chúng đi với các đẳng cấp danh từ, là những chữ mình định lấy ở tiếng pháp, hay vạn quốc khoa học ngữ ra.
Base	Ban	Đề tên Nguyên tố (tức là tên riêng của mỗi thứ Ốc) vào chỗ ba cái chấm
Sel	Xen	Đề tên riêng của mỗi thứ Ốc...ơ vào chỗ ba chấm.
Oxyde...ique	Ốc...ich	Oc Huy-gơ, tức là một thứ Ốc...ơ, ở Huy gân (Thủy ngân, Mercure, Hg.) mà ra.
Exemple	Tỷ dụ :	Sẽ đề tên riêng của mỗi Ốc vào chỗ mấy cái chấm. Tỷ dụ Bô-ốc Ma-nom, Bi-ốc Ma-nom, Xê-ốc Ma-nom, Xa-ốc Ma-nom (Protoxyde de Manganèse, Bioxyde de Manganèse, Sesquioxyde de Manganèse, Oxyde salin de Manganèse).
Oxyde ferrique	Oc Fen-rich	
Oxyde...eux	Oc...ơ	
Exemple	Tỷ dụ :	
Oxyde mercureux	Oc Huy-gơ	
Sousoxyde de...	Xu-ốc...	
Protoxyde de...	Bô-ố...	
Sesquioxyde de...	Xê-ốc...	
Bioxyde de...	Bi-ốc...	
Oxyde salin de...	Xa-ốc...	
Peroxyde de...	Be-ốc...	
Peroxyde...ique	Be-ốc...ich	
Peroxyde...eux	Be-ốc...ơ	
Oxyde Per...ique	Ốc Be...ich	
Oxyde Per...eux	Ốc Be...ơ	

TIẾNG PHÁP	TIẾNG VIỆT	LỜI CHỈ
Oxyde acide	Ốc-xít hay là Xốc	Lái lại (métathèse) là Xít-ốc rồi riu lại (contraction) thành Xốc.
ou Anhydride...	An-hy hay là Han	Nói lộn lại (métathèse) là Hy-au, rồi nói riu lại thành Han.
Oxyde basique...	Ốc ban, Bốc	Nói lộn lại là Ban ốc, rồi nói riu lại thành Bốc
Oxyde neutre	1-) Ốc không, Khốc 2-) Ốc-nốt, Nốc	Lộn lại là Không-ốc, rồi rút lại thành Khốc Lộn lại là Nốt-ốc, riu lại thành Nốc

Những chữ như Nguyên, Hợp, Giấm, Muối, Bản là những chữ mượn ở trong thường ngữ (tiếng ta và chữ nho dễ-dễ) rồi định nghĩa khoa học cho chúng để dùng làm chữ chuyên-môn.

Những chữ như Dật, Hỏa, Họa hay Hớp là những chữ Việt-nam chuyên môn mới tạo ra bằng cách lấy thường ngữ dịch để nghĩa những tiếng chuyên môn của Pháp, rồi rút cả một đoạn, một câu, lại cho thành một tiếng bằng lối nói diu, hay lối nói lộn.

Những chữ như Ốc, Xít, Ban, Xen, Ốc...ích, Ốc...ơ, Xu-ốc, Bô-ốc, Ốc Fen-rich, Ốc Huy-gơ, Bô-ốc Ma-nom, Xê-ốc Ma-nom là những chữ Việt-nam chuyên-môn, lấy ở tiếng pháp, tiếng âu ra rồi viết hóa chúng đi để cho chuyên-môn ngữ của cả vạn-quốc, được thông đồng tiện lợi.

Những chữ như Xốc hay Han, Bốc, Khốc hay Nốc là những chữ Việt nam chuyên môn mới tạo ra, bằng cách dung hòa cả hai lối : Lối viết-hóa tiếng âu và lối nói diu hay nói lái.

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

Nguồn gốc hoa tiên ký (Tiếp theo trang 11)	Nhỡ nhàng bèo nổi nước lênh, Ấy duyên phụ khách hay mình phụ duyên ?	Tường hoa quanh quất mấy vòng, Dưới hoa nhường có nẻo thông cuối tường.
Tưởng người chén nguyệt thề bồi, Phòng hương trộm tưởng đã người nào thôi !	Nào ai bề dạn non nguyên, Lòng nào chuông vạn, ngựa nghỉn với ai ! »	Hài van lần bước bước sang, Rắp ranh đã dựng tiếng vàng xa đưa :
Ba xuân những chốn làm vui, Dương thanh liễu lục, những ai đó chờ ? »	Nỉ non đêm ngắn tình dài, Nguyệt kê bên triện, hoa rơi trước rèm.	« Tường bây giờ là bao giờ ? Song song đôi mặt, còn ngờ chiếm bao !
Cho hay thanh khí tương cờ, Cách tường sinh đã khi vừa dạo thanh.	Vườn xuân xa ngắm cách rèm, Mây lòng tha thướt bóng xiêm một người,	Bấy lâu giờ khóa mưa rào, Ngoài muôn nghìn dặm biết bao nhiêu tình ?
Buồn tênh gió ngọn trắng cành, Dịp chầm dạ khách, tiếng kinh dềm thu.	Cây quỳnh thanh thót sương rơi, Đào rầu rầu ủ, liễu hơi hơi gầy.	Đôi vui uat ưc một mình, Bóng dương được giải thành từ đây
Cảnh sầu như ghẹo người sầu, Khí than thở bóng, khi châu chán mây.	Rõ người ngày trừ ưc chẳng sai, Nguyệt Hương cũng đến chi dây lạ đời !	(Còn n
« Nghĩ người mặt sóng chán mây, Tiền thề đành để đến ngày tái sinh.	Những là cách mặt khuất lời, Bồng sơn xem ngõ mấy mươi mươi trùng.	ĐÀO DUY

Phê bình

LUẬN TÙNG I

KIỀU THANH-QUẾ viết

Sách không thấy biên tên tác giả. Nhưng cứ luận điệu và giọng văn đặc sệt những chữ «mà», ai cũng biết đó là tác phẩm của Ph. v. H.

Tác giả có đoạn bình-vực cho tiếng «mà» trong văn-chương:

«Nhiều tiếng mà là một tiếng người làm văn hay tránh. Song trong câu: «Người mà đến thế thời thôi, Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi», thời tiếng mà mà người ta tránh ấy, lại hàm súc ý nghĩa sâu sắc dưới ngòi viết của Nguyễn Du».

Tiếng mà của Nguyễn Du đánh rằng nên bảo-lồn. Còn nhiều tiếng mà nặng nề trong văn Ph. v. H. lại phải nên bỏ đi!

Sở dĩ những tiếng nặng-nề nhiều khi vô bổ ấy chưa được Ph. v. H. bỏ, vì ông bảo «..... tôi không có chủ ý làm văn-chương».

Thế mà khi bàn về đoạn-thiên tiểu-thuyết, ông lại viết: «...Đến như lời văn trong đoạn thiên tiểu-thuyết thì lại càng cần phải công phu lắm nữa».

Ph. v. H. thì không chủ ý làm văn-chương. Ông lại muốn kẻ khác phải chủ ý làm văn-chương. Rõ như lời một thầy giáo dạy học trò: «Làm theo lời ta nói, đừng theo công việc ta làm».

Đến về đoạn-thiên, tác giả lại có ý: «... Theo tiếng Pháp, thời thiên tiểu-thuyết người ta là roman hoặc là nouvelle, là roman văn».

Do câu ấy, ta có thể hiểu: *trường-thiên tiểu-thuyết là nouvelle*. Sao lạ vậy?

Roman (trường-thiên) dài dài hay văn cũng có thể-tài riêng của nó. Không thể lẫn-lộn nó với *nouvelle* (trung-thiên tiểu-thuyết) được. Cũng như chẳng thể bảo: trung-thiên tiểu-thuyết là *conte* (đoạn-thiên), nếu nó là *nouvelle* văn.

Conte không đồng nghĩa với *nouvelle* văn.

Nouvelle không đồng nghĩa với *roman* văn.

Xa một chút, Ph. v. H. viết: «Theo thể trường-thiên, người ta nói tỉ-mỉ, kể chuyện từ đầu chí cuối, đầu chuyện trải qua bao lâu ngày tháng, đầu năm bảy chục nam, cũng được phép tường-thuật không nệ nói dài. Theo thể này, người ta có thể viết một bộ tiểu-thuyết hai ba ngàn trang sách,cũng như bộ *Jean Christophe* của Romain Rolland hay là bộ tiểu-thuyết của Jules Romains đang viết (1). Lối tiểu-thuyết dài mấy ngàn trang sách đó, người tây họ gọi là lối *roman fleuve* (tiểu-thuyết trường-giang)».

Ở đây, Ph. v. H. lại lầm lẫn trường thiên với trường giang tiểu-thuyết.

Trường giang tiểu-thuyết đâu có phải đồng nghĩa với trường thiên tiểu-thuyết viết dài đến hai ba ngàn trang sách.

Trường thiên tiểu-thuyết của

A. Dumas có thể dài đến hai ba ngàn trang sách vẫn không thể gọi là trường giang tiểu-thuyết được!

Một bộ trường thiên gồm nhiều quyển, không thể chỉ đọc quyển nhì hay quyển chót mà hiểu được câu chuyện. Phải đọc liên-tiếp từ quyển đầu đến quyển chót mới hiểu được.

Còn một bộ trường giang tiểu-thuyết gồm nhiều quyển, ta có thể lựa bất luận quyển nào, đọc cũng hiểu được.

Trường giang với trường thiên khác nhau là thế!

Các tiểu-luận khác trong tập *Luận tụng I* như: «Cái lỗi văn rườm-rà mà trống rỗng đang nhiều hại xứ này», «Nhân tuần và văn-chương», «Nhớ sách», «Phát vấn-đề phải cho trúng cách», «Muốn hiểu rành mọi sự» đều có tánh cách luận-lý chắc chắn, bổ ích cho người đọc.

Đề đánh đổ những thành-kiến văn lệ, những lẽ thói hủ bại trong

Tissus locaux

ÉTABLI SEMENT CAO-DOT

Chuyên bán buôn và nhận đặt khoán các thứ hàng nội-hóa như:

Douppion, Shan-tung, Faux shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tai đựng
— ngô, gạo, vắn vắn. —

Nơi giao dịch:

Thư bảo đảm và bưu phiếu xin gửi về cho M. BUI THỌ CẢO:

12 Rue Strasbourg

HÀIPHONG

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0 \$ 50 bằng timbre để làm cước phí.

văn-chương nước nhà, Ph. v. H. trưng ra những tỉ-dụ hoan ngộ (spirituel):

« Củ khoai (2) của Parmentier đem về, thiếu chút xíu nữa là làm náo-động làng xóm. Nữa chi là nói sự xa vời, nhất là sự thuộc về văn-chương tư-tưởng. Trong khoảng năm sáu mươi năm trời văn-chương xứ Huế-kỳ không khỏi những lời tả tiếng hát véo-von của những con *rossignol* và *alouette*, là hai loại chim tuyệt-nhiên không

có thoáng qua xứ ấy một lần nào, văn-chương ở xứ Nam này, trước kia, và mãi đến nay cũng còn đầy đầy những tuyết, những giá những yến, những oanh, là giống gì không ai từng thấy. »

Nơi phần phụ lục, Ph.v.H. đem Biện chứng pháp đối chiếu với triết-học kinh Dịch và dùng óc khoa-học bình luận giảng-giải hai câu Kiều: *Đem thu gió lot song đào, Nửa vầng trăng khuyết ba sao giữa trời*. »

KIẾN-THIỆT

(L. T. S. — Bản chỉ tiếp được bài dưới đây, xin vui lòng đăng nguyên-văn).

Ít lâu nay người ta nói đến nỗi ban khoăn của người tri-thức đứng tuổi đi tìm con đường hành động. Những bạn đó, một thời tuổi trẻ, đã từng mỗi gổ đi tìm cách thi hành lý-tưởng. Hồi nhỏ, ở ngưỡng cửa gia-đình và học-đường bước ra, người thanh-niên bỡ ngỡ làm quen với cuộc sống đời-dào, phức tạp của xã-hội. Rồi hy vọng dần trôi trong lòng họ, họ những ao ước thay đổi, xây dựng. « Kiếm lấy một trường hoạt động hợp với tài sức được bồi đắp qua hai mươi năm đèn sách », đó là lời cầu nguyện thoát ra từ thẳm tâm vị tha của họ. Có người phải khổ tâm gìn giữ thoáng hương kin đáo ủ ấp trong lòng từ những ngày mười tám hai mươi.

Nhưng buổi đầu, họ có được vĩa ỹ đâu. Họ cất lên đôi lời than tiếc « Đời bây giờ thiên hình vạn trạng! » « Lý thuyết trên sách, khô như giồng sông thẳng chạp, không tưới được tinh ham mê của chúng tôi, lúc nào cũng dồi dào với việc nghĩa ». May ra với sức cần cù cố hữu của cả một dân tộc, họ không đến nỗi phải đề tàn tạ bao nhiêu, đức tính xã-hội tốt đẹp. Người bạn tri thức, thỉnh thoảng trông thấy quanh mình gương thi xã của một hai người xuất chúng, vẫn gìn giữ được thanh sắc những hy-vọng xã xưa.

Đến đây, vừa lúc một luồng gió xã hội cất lên, xô lại rồi dãn kết mọi người: Hợp sức các nhà tri thức để giúp ích dân chúng, chau dồi cho họ lấy một nền giáo dục phổ thông. Nhiều hội có mục đích tương trợ, nêu lên một tinh thần bác ái, được mọi người trong hội các tầng lớp xã-hội hưởng ứng. Riêng một hội đã tìm thấy một định thức hoạt động rõ ràng, rất thực hợp cho công chúng. Chúng ta nghe thấy tiếng gọi ân cần bay dậy « Hãy làm thế nào cho dân chúng, mà giáo-sư y học Galliard nhạc là cái sinh mệnh tư bản của một dân tộc — một ngày một rạn rữa thêm ». « Nước Nam ta hay dở là nhờ ở như chữ quốc ngữ ». Cho nên đầu đầu, mọi người cũng nghe rõ tiếng hô hào mạnh tựa sóng ngoài khơi: hay mang sức biển cả, tri cả quyết nghiêng thành, lòng vị nghĩa vàng son của kẻ trí thức dùng vào việc dạy dỗ đồng bào thất học.

Hội Truyền Bá Học Quốc ngữ đã nhận, công việc giáo hóa đó, trong vòng năm năm nay. Nhưng trước hàng triệu người xấu số bị đẩy trong u tối, một giọt nước giúp đỡ, một hạt mưa hy sinh của nhóm anh em chị em các bạn làm việc, dù là giọt nước thần linh cứu khổ của Thế Tôn, rầy sao cho khắp muôn nghìn người từ tỉnh thành đến thôn quê, đang cầu mong ánh sáng sự học.

Và giờ này viết ra, chúng tôi

.....Có vài tiếng chuông ứng lên chọi lại kiến giải Ph.v.H. Nhưng tiếng chuông Ph.v.H. vẫn không vì thế mà chẳng vang dội xa...

KIỀU-THANH-QUẾ

(1) tức là bộ *Les hommes de bonne volonté* của ông chủ thích.

(2) Parmentier đem giống *pomme de terre* (khoai lang tây) về trồng thiên hạ tin dị đoan phản kháng dữ dội cho rằng giống khoai ấy làm hại nước Pháp. Ngày nay thời nước Pháp ăn giống khoai ấy hàng ngày, gắp như ta ăn cơm vậy. Tác giả chu thích.

ước ao hết thầy các nhà trí thức, các bậc trong từ dân, các nhân tài nghệ sĩ, (trong văn giới, giáo giới, trong các đoàn thể chuyên nghiệp, các nhà doanh thương, kỹ nghệ, các nhà nông, tiểu đại điền chủ, hết mọi các hàng thanh niên nam nữ, hy vọng của mai sau) hãy góp mình vào công cuộc bác ái và nhân đạo của H.T.B.H.Q.N. Dạy dỗ người thất học không còn là ban phận riêng của một toán người. Nó phải là công việc chung của gia đình Nam, bảo ban lẫn nhau. Ai ai cũng nên vui lòng tham dự vào việc kiến thiết khẩn cấp nhất lúc này: truyền bá học quốc ngữ là đợt được khai sáng, chống nạn thất học là trừ nguyên cơ cái tai họa đã đắm đuối giòng giống trong nghèo khổ và yếu hèn chống nạn thất học là kiến thiết con đường sáng đưa đến tòa nhà giàu có bao nhiêu tinh thần cổ truyền đã ghi trên lịch sử.

Hết thầy các nhà trí thức muốn thế hãy đến họp tại hội quán Trí Tri, 59, phố Hàng Quạt Hà nội, tối hôm 29 tháng 4 năm 1943 sắp tới để nghe ông Vũ-đình Hoè, chủ bút báo Thanh Nghị nói chuyện, về

Một nền giáo dục bình dân của bác sĩ Trịnh văn Tuất, trong B. Tri sự H.T.B.H.Q.N. trình bày « Chương trình làm việc và tinh thần nhân viên trong các ban »

PHẠM CHÍ LƯU

VẤN ĐỀ DỊCH SÁCH

Số 5

ĐỖ-THỨC



AU hết ta thử dịch
mấy câu về khoa-
học kinh-lẽ :

Pháp văn. —
La division du
travail. — Si le travail qu'il s'agit
d'exécuter est absolument simple
(défoncer la terre, soulever un
poids, ramer, couper du bois), ce
travail ne se prête pas à une divi-
sion quelconque : il a un exécutera
de son côté les mêmes mouvements
c'est ce qu'on pourrait appeler la
coopération simple.

Mais, pour peu que l'opération
soit complexe et comprenne des
mouvements variés, il y a tout
avantage à décomposer ce travail
qui, considéré dans son ensemble,
apparaissait comme une simple tâ-
che. C'est ce qu'on appelle la divi-
sion du travail et qu'on pourrait
appeler la coopération engrenée.

(Gide — Économie politique.
Page 192).

Dịch nôm. — Sự chia việc làm. —
Nếu mà việc phải làm rất giản-
dị (đào đất, nâng một quả nặng,
chèo đò, trẻ củi), thì việc ấy không
thể chia ra cách nào được. Về phần
mỗi người sẽ làm những sự vận-
động cũng như vậy. Ấy thế người
ta có thể gọi là cộng-tác đơn-sơ.

Nhưng nếu công việc có chút
vĩen-phức, cần vận-động nhiều
khác nhau, thì công-việc phân
chỉ có lợi mà thôi, công-việc ấy
trước bình như một sự cần-
đơn-sơ. Ấy thế người ta gọi là
chia việc làm, mà lại có thể nói

là sự cộng-tác liên-hiệp (tựa như
bánh xe có răng cưa cái nọ xoay
vẫn theo nhịp khớp vào cái kia).

Chú-thích. — Division du tra-
vail, chữ nho có chỗ đã dịch là
phân công chuyên-nghiệp.

Coopération engrenée mà dịch là
cộng-tác liên-hợp hay là liên-lạc,
nghe chừng cũng đủ nghĩa; nhưng
không tỏ hết ý của tiếng tĩnh-tự là
engrenée; vậy nên cần nghĩa cho
rõ-ràng. Những tiếng tương-tựa
bóng-bầy có vẻ văn-chương như
thế, dịch sách khoa học thì không
ngại bày tỏ nghĩa đen, nhưng nên
tránh rườm rà khiến người ta
nghĩ sai lạc.

Dịch luật-pháp, thì sự theo đúng
nguyên bản lại rất cần, vì một
tiếng có thể gây nên những mối
tranh giành, biện-luận không thôi.

Ta thử lấy bộ tân luật đã thi-
hành ở xứ ta mà xem-xét, thì thấy
bản tiếng pháp diễn ra quốc-ngữ
và hán-tự là đúng, mà nhân dịp ấy,
thì đã có nhiều chữ nho cần dùng
về việc tổ-tụng đã nhập-tịch trong
nam-ngữ, như những tiếng : động-
sản, bất-động-sản, thủ-tục, án-hộ
v. v. trong luật xưa ta không có.

Cứ bộ luật ấy, đủ ba thứ chữ :
pháp, hán, việt mà làm sách tự-
vưng cũng có đủ những thứ tiếng
ấy, thì xem chừng ắt có phần giúp-
đỡ các nhà học-luật rất nhiều.

Nói rộng ra, thì việc diễn dịch
những bài tiếng pháp, cũng như
những bài chữ nho dịch ra tiếng ta,
có thể dùng 2 phương-pháp :

1.) Là theo khuôn mẫu bản chính

mà dịch, tùy ý xếp đặt cho thích
hợp với giọng ta, chỉ cần lựa nhời
hay lẽ phải, có thể truyền tụng lọt
tai người nam ta, ngâm-ngã dễ
nhớ. Ấy là lối văn-chương, có khi
dùng văn vần. Theo lối ấy đã có
nhiều tác-phẩm xuất-bản. Dịch tiếng
pháp như tập thơ ngụ-ngôn của
Nguyễn van Vĩnh tiên-sinh; dịch
chữ nho, như bài Trinh-phụ-ngâm
của nữ thi-sĩ Đoàn thị Diễm; bản
dịch nôm kinh Thi ra thơ lục bát,
không rõ tên người dịch, trường
Bác-cổ Hà-nội có giữ một quyển
viết tay, vì sách ấy trước không
xuất bản. Còn bản dịch nôm truyện
Đoạn-trường tân-thanh của Tiên-
diễm tiên-sinh, tức là truyện Kiều,
thì nay chẳng phải nói dài.

Thơ tiếng pháp hay chữ nho mà
đem dịch ra thơ tiếng ta thì hợp
lắm; vì cũng theo một giọng êm-
dềm nhịp-nhàng. Truyện Kiều kia
vốn chỉ là một cáo thơ chữ hán,
đoản-thiên tiểu-thuyết, mà đến tay
người xưa dịch tài-linh đã biến
thành thơ nôm tuyệt-tác thì tưởng
là lạ. Nhưng xét ra : các truyện
nôm xưa gần gần tất cả đều là
đoản-thiên tiểu-thuyết, như : Lục-
vân-tiên, Nhị-độ-mai, Hoàng-tửu,
Phan-trần, Hoa-tiên, Nữ-ú tài.

2.) Là theo đúng bản chính,
từng câu, từng chữ, không bỏ sót
chỗ nào, không tự ý dịch-giả thêm
bớt sự gì; ấy là lối khoa-học, có
ích cho nhà khảo-cứn. Dịch sách
có tính-cách khoa-học, tất nhiên
phải dùng lối ấy đã đành, còn
những loại sách khác, như luật lệ,
hay là những loại sách nào cần
cho người đọc có thể dùng đấy
làm căn-cứ để nghị-luận, thì cũng
nên theo lối ấy vậy.

(Xem tiếp trang 23)

DỊCH THƠ TÂY

La Lune Blanche

*La lune blanche
Luit dans les bois ;
De chaque branche
Part une voix
Sous la ramée...
O bien aimée.*

*L'étang reflète,
Profond miroir,
La silhouette
Du saule noir
Où le vent pleure...
Rêvons : C'est l'heure.*

*Un vaste et tendre
Apaisement
Semble descendre
Du firmament
Que l'astre irise...
C'est l'heure exquise.*

Paul VERLAINE

Vùng giăng trắng bạc

*Vùng giăng trắng bạc giữa giờ ;
Trong rừng đen tối, sáng soi lâu lâu ;
Dưới vòm lá rậm trên đầu
Mỗi cành một tiếng xì xào nho to...
Mình ơi, kia tiếng hẹn hò.*

*Giò đưa cành liễu bên hồ,
Giòng giòng như giọt lệ thu vãn dài ;
Nước hồ trong vát gương soi,
Chiếu in bóng liễu đen, coi lơ mơ...
Này giờ mơ-mộng thần-thơ.*

*Vòm giời lặng ngắt như tờ,
Ánh trăng ngủ sắc này hoa trăm màu ;
Một làn êm-dịu từ cao
Mèng-mang tràn xuống trùm bao cõi trần...
Này giờ đẹp đẽ không ngần.*

CÁCH - CHỈ

Nước Chiêm-thành...

(Tiếp theo trang 7)

quốc, nổi rộng bờ cõi nước Đại-Việt thấu dãy núi Thạch-bì-sơn (Varella). Từ khi ấy (1471), nước Chiêm-thành chỉ còn lại một mảnh đất nhỏ từ Varella đến Bình-thuận bấy giờ; nhưng sức-lực thì suy-vĩ lắm rồi, nên ta có thể cho nước ấy bị diệt-vong từ năm 1471 vậy.

Thỉnh-thoảng cũng còn thấy Chiêm-vương đem lễ-vật sang cống-hiến bên Tàu. Đến năm 1720, nhân-viên Hội Ấn-độ của người Pháp còn thấy ông vua có xác không quyền của Chiêm-quốc đương ở trong một tình-cảnh thật là đau-

thương (12). Họ quản-quai như thể đề đọa các chúa Nguyễn đặt mảnh đất này rồi lại mảnh đất khác, đến sau chiếm hết cả Chiêm-quốc, còn đất-đại thì lập thành phủ huyện Việt Nam. Từ đó trên lịch-sử Viễn-đông, tên nước Chiêm-thành bị xóa hẳn.

(Còn nữa)

Mãn-khánh DƯƠNG-KY

1-) Bài trần thuật tại ban nghiên cứu Hội Quảng-tri, Huế, tối hôm 27 Mars 1943. Chúng tôi đã theo lời chỉ giáo của các ngài trong ban nghiên cứu, nhất là ông Đào duy Anh, mà bỏ bớt vài đoạn.

2-) Uyên giám loại ham, quyển 233, tờ 9.

3-) Essai d'Histoire d'Annam của Charles Patris trang 146.

4-) Đại việt sử ký toàn thư (ngoại kỷ) quyển 2 tờ đầu.

5-) Uyên giám loại ham, quyển 233, tờ 9

6-) Tìm ra được ở Khánh hòa.

7-) Ở Quảng nam bấy giờ. Hiện còn giấu tích 68 cái đền, trụ trung có cái đền lớn thờ thần Bhadresvara

8-) Nouvelles Recherches sur les Chams của Cabaton

9-) Uyên giám loại ham, quyển 233 tờ 8

10-) Đại việt sử ký toàn thư (trần Thanh Tông kỷ), quyển 12

11-) Histoire de Champa của I péro chương VII

12-) Histoire Moderne du d'Annam của Maybon trang 114, 115

NGUYỄN-TRIỀU TRUNG-HUNG CÔNG-THẦN

NGUYỄN ĐỨC XUYÊN

(1758 — 1825)

Số 1

của NGUYỄN-TRIỀU

TIÊN tổ Nguyễn đức Xuyên vốn là người ở Phú-vinh, tỉnh thừa-thiên (1), đến đời phụ-thân, tên là Quảng mới dời vào ở Gia-định làm chức Cai-cơ, anh ruột tên là Thái cũng làm đến Khâm-sái Cai-cơ.

Xuyên có sức khỏe và lại có mưu-lược, xuất thân làm đội-trưởng.

Bấy giờ vào hồi đầu nam Quý-mão (1783) Nguyễn van-Nhạc sai hai em là Huệ và Lữ vào đánh phá đất Gia-định. Nguyễn vương phải bỏ thành chạy; Xuyên cùng với Nguyễn van Mẫn hộ-vệ cung-quyển ra đảo Phúc-quốc.

Tháng sáu nam sau, giáp-thìn (Juillet 1784), vua Nguyễn ở Vọng-các về, Xuyên tới ra mắt Ngải rồi lại theo Ngải đi đánh quân Tây-sơn song cũng bất lợi.

Có một ngày kia, trời đã tối mà mấy chúa tôi chưa an còm. Xuyên bèn chạy vào xóm dân làng để kiếm còm an. Dân hỏi Xuyên :

— « Người ngồi xe êm đi trước đó có phải chúa Nguyễn không ? »

Xuyên nói dối là không phải !

Người dân lại nói :

« Chúng tôi vừa nom trộm rõ lắm, biết rồi, đừng giấu gì nữa, xin ông hãy cứ đi, còm chín rồi chúng tôi sẽ đem lại dâng... »

Vu khi Xuyên đi khỏi, dân ở liền đem còm nước lại dâng.

Sau này ngày mồng một tháng 3 năm ất tị nhằm ngày 9 Avril 1785 vua Nguyễn lại sang Vọng-các song Xuyên không giám theo sang, vì trước kia có giết chết một người lái buôn Xiêm, bèn phải lại đề chiêu binh mãi mã.

Tháng 3 năm nhân-tý (Mars 1792) Nguyễn-vương thân-chinh ra đánh Qui-nhơn, đến cửa Thi-nại, Xuyên đốc thuyền-chiến theo Nguyễn-văn-Trương tiến vào trước, còn quan quân thì tiến vào sau, phá tan được thủy-trại của Tây-sơn ở đây.

Năm sau Xuyên lại theo Vua ra đánh Qui-nhơn, đốc đốc Tây-sơn tên là Đầu giữ đồn Khố-sơn, chống-cự quân Nguyễn.

Xuyên bèn gọi quân trong đồn mà bảo rằng :

— « Vương-sư đã lấy được hết các nơi từ Song-kiều đến Tháp-cát rồi, chúa bay đã phải thu hết cả quân vào thành, đại-binh sẽ đến vây đánh bốn mặt và sẽ hạ thành Qui-nhơn nay mai ! chúng bay theo tên Đầu giữ mãi ở đây, muốn chết hay sao ?.. »

Quân Tây-sơn nghe Xuyên nói như thế, đã có ý muốn hàng, kế lại thấy Nguyễn van-Trương đem quân kéo đến, chúng vội vàng mở cửa thành ra đón quan quân. Chủ tướng Tây-sơn là Đầu bỏ chạy trốn mất. Vì có công ấy, Xuyên được thăng làm Thần-sách quân Hùng-vô vệ-uy.

Hồi năm Bình-thìn (1796) vì có đám giặc bề quấy nhiễu ở hải phận Hà-tiên và nhân tiện lại có sứ-bộ Xiêm về nước, vua Nguyễn sai Xuyên đem 10 chiếc thuyền chiến đi hộ-tống bọn sứ-thần ra khỏi hải-phận. Xuyên đến hòn Phú quốc dò biết được nơi sào huyệt đổ thuyền của bọn giặc bề bèn chia quân ra làm 3 đạo, thỉnh linh xuất-kỳ bất-ý đánh ập vào bản đám được một thuyền chiến củi giặc ; còn thì tan vỡ bỏ chạy. Xuyên đuổi theo, bắt được 40 chiếc thuyền, bắt sống được một tướng giặc và hơn 80 đồ-dang cùng súng đạn lương thực rất nhiều. Ngay lúc ấy, thủy-binh Xiêm đi tiểu giặc cũng vừa kéo đến thì giặc đã tan rồi. Từ đấy, đám giặc bỏ chạy hết, không còn dám đến xir ta nữa, làm cho người Xiêm cũng phải sợ tiếng của Xuyên.

Nam kỷ-mùi (1799), Xuyên kiêm quản 5 cơ voi chiến theo vua Nguyễn ra đánh Qui-nhơn. Trận đánh đồn Tháp-cát, Xuyên phải đạn ở trán. Sau khi bang buộc rồi, Xuyên lại cử thúc quân tiến vào đánh, bắt được của Tây-sơn 27 con voi chiến. Vua Nguyễn được tin ấy, cả mừng và thưởng cho Xuyên 500 quan tiền.

Nam canh-thàn (1800), Xuyên được thăng lên chức Đô-thống-chế quân Thần-sách đem binh tượng đi hộ giá ra cứu thành Bình-định. Khi đến Diên-khánh thì Thái bảo

Tây sơn là Võ văn Dũng đem đại binh đến đánh Phú-yên, Xuyên thấy quân bên địch nhiều mà quân mình ít, bèn dâng sớ xin lui quân về Phan-lý để đợi thủy-binh đến rồi sẽ tiến đánh một thề. Vương dụ rằng: « Người cứ đi, ta đã tính toán đâu vào đấy cả rồi! » Xuyên bèn tiến quân đến đóng ở gò Ai-thạch. quân Tây-sơn thì cứ thủ hiểm ở trên. Xuyên kéo quân đánh ập vào đồn. quân địch phải bỏ chạy về La-thai, quân Nguyễn phá tan được.

Đến cuối năm ấy Nguyễn-vương, muốn dùng kế hỏa công đánh Thi-nại, hỏi các tướng ai dám đi. Tổng viết Phúc (2) tình nguyện xin đi. Vương bằng lòng cho đi và liền sai người đi mật báo cho Nguyễn văn Thành và Nguyễn đức Xuyên. Xuyên nói với Cửu-Kỳ rằng:

— « Tôi nghe tin chúa - công muốn dùng kế hỏa công mà Tổng viết Phúc muốn xin đi; theo ý tôi thì Viết-Phúc tuy chỉ có sức khỏe song nhiều khi hay nhớ việc, vì có cái nết khinh tiến, không bằng sai Lê văn Duyệt, vừa khỏe, lại vừa có tâm cơ mưu; nếu Duyệt đi thì việc chắc phải xong, nếu không được thế thì để tôi xin đi! »

Cửu-Kỳ đem lời ấy tâu với Nguyễn - vương. Ngài bèn nghe theo, sai Lê văn Duyệt đi đánh trận ở Thi-nại và không sai Viết Phúc nữa.

Xuyên và Thành bấy giờ chia quân đi đánh các đồn của Tây sơn

ở Vân sơn và Phú-trung chém được đồ đạc Tây sơn tên là Cái.

Tháng 5, năm Tân dậu (Juin 1801) vua Nguyễn đem thủy - sư ra đánh Phú-xuân thì Xuyên cùng với Tiền quân Nguyễn văn Thành và Hậu quân Nguyễn hoàng Đức ở lại Bình định để đánh nhau với quân Tây-sơn, Vương bèn cho triệu Xuyên tới mà dụ rằng:

— « Nguyễn văn Thành vốn có tính hờm mình và hay khoe khoang nên thường mất lòng tướng sĩ, vậy người ở đây cần phải ngăn cản cái lỗi của y để giúp việc nước! »

Wương lại ban cho Xuyên một cái áo chiến của vua dùng và một chén rượu ngự.

Sau khi khắc phục thành đồ Phú-xuân, tướng Tây-sơn là Lê văn Phong xin hàng. Lê văn Duyệt tâu rằng Phong có tài, có thể dùng vào những việc lớn....

Xuyên bèn mật tâu với vua rằng: « Phong quy hàng chưa chắc đã thực bụng, Duyệt không suy xét mà tâu xin cất nhắc cho hân ấy là chỉ nghe lời Lê-Chất xui vậy. Chúa thượng khó nhọc bao lâu tới nay mới lấy lại được đất đai cũ, về việc dùng người quan hệ không vừa, xin lưu ý cho làm mới được...! »

(Còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU

1) Phòng theo Đại-Nam chính-biên liệt-truyện quyển 8 từ 18 và B.A.V.H. 1914 p. 138.

2) Xem Tri-Tân số 40 trang 18.

Kỳ sau

Bộ mặt mới của nền trung-học Pháp.

NGUYỄN-NHÂN

Vài con số về các Thư-viện ở Đông-dương.

của PHẠM-MẠNH-PHAN

“ Ngườì lịch sử ”

(Tiếp theo trang 5)

và cảnh sinh-hoạt giản-dị, diễm-đạm của cò-nhân.

Một nhân-cách, một tâm-hồn thật đã biểu-lộ rõ-rệt trong một bài thơ nhả-nhặt êm-dềm nhưng ngụ những tư tưởng mào sâu-sắc...

HOA-BÀNG

1) Một thứ cây cao hơn một trượng, lá nhạt mà nhọn, hoa nở vào hồi tháng ba tháng tư, màu tía nhạt, hương thơm.

2) Chữ hán là « thăng ». Mỗi thăng độ 2 lít (litres).

3) Mỗi hộc độ 60 lít.

4) Bảng thống-kê các món đóng góp này, căn cứ ở sách Uyên-giám loại hàm, Minh-thước quốc-ky.

5) Đây là tên hiện đặt sau khi mất, còn tên thật là Thái. Con gái Tư-đỗ Trần-Nguyên-Đậu.

6) Tổ tiên họ Nguyễn trước quản làng Chi-ngại thuộc huyện Chi-linh (Hải-dương).

7) Theo Nhị-kê Nguyễn thị gia-phả, thì Ứng-Long là tên, Phi Khanh là tự. Nhưng theo Uri tự truyện của Nguyễn-Chắc-Kiểm trong Ước-Traị tập, thì húy là Phi-Khanh.

8) Nguyễn chữ hán là « Nhị-xuyên kim chinh ». Đời Trần thường kêu hạng nho-sĩ là « kim-chinh », tức cũng như sau này gọi là thầy đồ.

9) Phi-Khanh hồi 19 tuổi kết duyên với Trần thị.

10) Trong « Nhị-kê Nguyễn-thị gia-phả » nói Nguyễn-Trãi đỗ Đệ tam giáp Đình-liên-sĩ xuất thân khoa Canh Thìn (1400) triều nhà Trần. Thế là sai, vì bấy giờ Trần đã mất Hồ đã cầm quyền rồi.

11) Người huyện Chi-linh, được nhà Minh cho làm Bồ-chính.

12) Người huyện Cam-kê theo Minh, làm Tham-chính.

13) Người huyện Hoàng-hóa, cũng làm Tham-chính trong họ Mạc thuộc

14) Trong gia phả nói là bị Minh đem về Vạn-sơn. Trong hành trạng khảo ở tập Quản-trung từ mệnh lại nói bị bắt về Trà-sơn.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 15

NGUYỄN HUY TƯỜNG

TỈNH Đô ngầm Đặng Lân. Hắn càng lộ vẻ dễ tiện. Chúa càng ghét, lại càng đau đớn trong lòng. Ngài nói, giọng rất nghiêm nghị:

— Thôi, chỉ dạn thế, cho lui.

Đặng Lân lấy chúa, rồi lắc lư đi ra. Chúa trông theo thấy rõ là dáng đi của một tên xỏ lá.

Tuyên phi cũng quy trước mặt chúa, xin theo em ra để sửa soạn lễ nghi.

Khi Tuyên phi đi rồi, Tỉnh Đô đánh chuông gọi Khê trung hầu. Người thái giám già bước lên thềm, chấp tay chờ lệnh. Chúa ra hiệu cho đến gần, và hỏi một cách rất thân mật:

— Ta có việc này, phải nhờ đến nhà ngươi. Nhà ngươi là người có tuổi, lại trải thờ hai triều, lòng trung nghĩa của nhà ngươi đã rõ. Nhà ngươi cũng biết rằng ta bắt đắc dĩ mà gả Quận chúa cho Đặng Lân.

Khê trung hầu tâu:

— Tâu Chúa thượng, Ngài định gả Quận chúa cho quốc cữu? Chỉ e quốc cữu là người thô suất không hợp với cái tinh đoan chính nghiêm trang của quận chúa, rồi sẽ sinh chuyện rắc rối về sau. Huống chi Quận chúa người thì yếu, vóc thì gầy, chịu sao nổi được một kẻ phẩm phu! Hôn nhân là việc trọng, xin Chúa thượng đừng hấp tấp.

Chúa không lấy làm chướng vì lời nói bộc trực của Khê trung hầu, chúa biết tính Hầu ngay thẳng và thẳng trung hậu. Ngài đăm đăm nhìn Hầu, và nói:

Lễ cưới cử hành chiều hôm nay. Quân tử vô lu ngôn, ta không thể bãi việc hôn nhân này được. Chỉ e việc này ta chưa giải quyết

xong, là chưa có người trông nom cho Quận chúa về nhà chồng. Ta đã nghĩ đến hai người là người và quan ngự sử Lương Khánh Bảo. Quan ngự sử không có đây, chốc nữa ta sẽ cho triệu vào. Nhưng có người đi thì ta mới được yên tâm. Ta biết người săn sóc Quận chúa như cha, người hiểu biết tình tình Quận chúa, chính người là người thuộc thang cho Quận chúa từ thừa nhỏ, đi theo Quận chúa không ai hơn người được. Người vốn cần thận, nên vì ta gánh vác việc này.

Khê trung hầu cảm động, mắt giàn giụa nước nhìn lên, thấy mặt Chúa buồn rười rượi. Hầu tâu:

— Hạ thần đội ơn cao dày, chưa có dịp báo nay Chúa thượng giao cho việc này, giám đầu từ khó. Giả sử Chúa thượng không bảo, hạ thần cũng xin đi, để hầu hạ và trông nom Quận chúa. Quận chúa còn non có người thân đi kèm, cũng đỡ phần đỡ ngỡ. Cúi xin Chúa thượng cứ tin vào hạ thần. Hạ thần xin trọn đạo thần tử.

Chúa mỉm cười, tiến lại vỗ vai Khê trung hầu, ân cần nói:

— Người cố giúp ta nhé!

Ngài lại cầm tay Hầu, rồi đặt vào bàn tay người thái giám ấy một lạng vàng, và nói tiếp:

— Ta biểu riêng người, người đừng từ chối.

— Tâu Chúa thượng, Chúa thượng ban, hạ thần đâu dám không nhận. Chỉ nghĩ công việc chưa làm, đã nhận thưởng đối với lương tâm thực là xấu hổ. Vả, hạ thần đội ơn Chúa thượng nhiều rồi, Chúa thượng bắt nhẩy vào đồng lửa cũng phải nhẩy, huống chi là việc nhỏ này, nhận thưởng đã tham, lại không phải đạo.

— Người cứ cầm lấy, không được phụ tấm lòng ân cần của ta.

Khê trung hầu quỳ xuống lĩnh, hai giọt lệ lăn trên gò má dấn đeo:

— Hạ thần dẫu tan thảy nát oẹ cũng không sao báo được thành ân.

Chúa búng lòng nói:

— Người về sắp sửa đi. Mọi sự ta phó thác cho người đấy. Ta sa người đi, thác ra là để dạy Quận chúa lễ nghi, nhưng thực là để kiểm chế Đặng Lân, người nên lưu ý nhé.

— Thần đã hiểu ý Chúa thượng, xin Chúa thượng phóng tâm.

Khê trung hầu quỳ lấy chúa rồi khép nép quay ra. Chúa nhìn theo người thái giám trung thành, thở dài khoan khoái và nói một mình:

— Bây giờ lòng ta mới được thư thái một chút...

Chiều hôm ấy, một buổi chiều thơ buồn rười rượi. Lễ nghênh hôn đã sắp, mà chúa Tỉnh Đô còn lưu luyến trong yến thất với Quỳnh Hoa. Đã hai lần, Lễ phiên vào tâu xin cho rước dâu sớm qua giờ tốt, chúa đều gạt phắt đi, ngài gát gông vô cùng. Chúa nhìn con gái, như cố thu hết một lần cuối cũng hình ảnh thân yêu. Ngài nhận thấy con gái hơi xanh, trông quá gầy, quá nhỏ trong bộ quần áo cưới. Chúa bắt nhẩn chia tay. Chúa đã hỏi con gái bao nhiêu lần câu: « Con có xin gì cha cũng cho », vậy mà Chúa vẫn hỏi, Quỳnh Hoa chỉ muốn xin một điều là bãi việc hôn nhân, nhưng nàng biết không sao được, nên mỗi khi chúa hỏi, nàng chỉ chối từ. Thái độ ấy càng làm cho Chúa thượng nản, và càng làm tăng lòng hối hận của ngài.

Lễ phiên giục đã lần thứ ba. Chúa biết không lưu luyến được nữa, đứng

u. Bao nhiêu quận chúa, phi tần, thị nữ, xúm quanh Quỳnh Hoa, để phủ đầu; Chua như không trông thấy ai cả. Ngài đỡ Quỳnh Hoa đứng dậy, mắt không rời nàng. Cầm tay con gái, thấy lạnh, chũa hỏi:

— Con làm sao đấy mà tay lạnh thế này? Mai về lại mặt, cha bảo ngự y bốc thuốc cho con.

Quỳnh Hoa sẽ làm:

— Tâu phụ vương, con không làm sao cả. Con đi chỉ nhớ phụ vương, phân con gái, không báo đáp được ơn sơn hải, sinh ra thực là vô ích, xin phụ vương tha tội bất hiếu cho con.

Con đừng nghĩ dở. Lòng hiếu của con cha đã biết.

Con xin phụ vương: ở nhà, nên gìn vàng giữ ngọc, con thấy phụ vương sút đi nhiều, người trông vô vàng, con lấy làm lo ngại lắm.

— Con không phải lo cho cha. Chính con phải nên giữ gìn thân con cho cha được yên lòng.

Chúa Tĩnh Đô thân phù con ra khỏi cửa cung. Chín phát súng vang động kinh thành. Chợt Quỳnh Hoa nhìn cha, như có ý cầu khẩn. Tĩnh vương dừng bước hỏi con:

— Con muốn xin gì cha chăng?

— Xin phụ vương tha tội cho, con mới dám nói.

Bao nhiêu tội của con, cha nhận hết. Con xin gì, cha cũng cho.

— Tâu phụ vương, phụ vương còn nhớ người làm ra bài phú « Long Trì » chứ?

Tĩnh vương đột nhiên thấy hiện ra trong trí hình ảnh phong lưu và

nhỏ nhắn của chàng Bảo Kim, người mà trước kia trong thâm tâm ngài đã chĩa làm « phò mã ».

Lời nói vô tâm của Quỳnh Hoa, chưa thấy bao hàm cả bao nhiêu ý trách móc. Lòng chũa thất lại phần thì thương con, phần thì hời hợt.

Chúa nói:

— Cha còn nhớ, đó là một bậc kỳ tài.

Quỳnh Hoa định quỳ xuống, chũa giữ nàng lại và nói:

— Con không phải giữ lễ nữa. Có việc gì xin cha, con cứ nói. Cha đã bảo con rằng cha không tiếc gì con. Con nói đi, kẻ nhà trai người ta giục già.

Quỳnh Hoa ngập ngừng một lát rồi thưa:

Đây là chút ăn tình của con. Con không thể giữ mãi trong lòng được nữa. Bảo Kim và con tuy không thể thoát nặng nhọc, — con là gái khuê các, dám dấn làm những điều xấu hổ ấy? — nhưng con đã biết chàng là một người quân tử. Cuộc thi văn đêm hội Long Trì, chàng được giải nhất. Chứa nói ra, con đã...

Nói đến đây nàng đỏ mặt mãi không nói tiếp.

Chúa Tĩnh Đô hiểu ý, đỡ nhờ con:

— Cha đã biết, con nói đi.

Quỳnh Hoa nghĩ một lúc lâu rồi thưa, vẻ bền lên:

— Con chưa bẩm mệnh phụ vương, nhưng con đã muốn xin cha kén chàng làm phò mã, chỉ vì có việc này...

Nàng cảm động, thồn thức khóc. Chũa cũng rơi lệ, và chung quanh

các quận chúa, các phi tần, các thị nữ, cả các nội giám, người nào cũng sụt sùi, cảm thương cho thân thế nàng.

Tĩnh vương nói:

Cha làm nhờ đời con, con trách cha cũng xin chịu.

Quỳnh Hoa nức nư:

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY-TUỞNG

Vấn đề dịch sách

(Tiếp theo trang 18)

Tổng kết bài này, xin ngỏ mấy điều như sau:

Việc dịch sách pháp ngữ ra Việt ngữ, hiện nay xem ra còn cần lắm, ai cũng công-nhận về phần khoa-học còn thiếu-thốn. Khuyết điểm có thiệt cho nhà nho ta, không thể thử làm việc cách vật tri tri, như ý cổ nhân, mà theo những phương pháp mới, càng ngày càng mới, để mong tìm được cái sự này gọi là nghệ thực, hay là chính lý.

Những sự khó khăn, lời đa kô lược trong bài này về việc dịch sách, hẳn không phải đây là những điều ngan-trở triệt-đề. Ai vốn san trí-tuệ mà cứ vướng tâm thì ắt vượt qua làm nổi khó-khạn hơn nữa.

(Hết)

ĐỖ THỨC

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỖN

MỘT DANH-TỪ, MỘT THÀNH-NGŨ, MỘT MÔN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TU-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi: tập SỬ-HỌC của cụ Lại Bộ PHẠM-QUỲNH

Sách của thư-xã

I xandre de Rhodes

ĐÃ XUẤT BẢN

Thơ Ngự lên La Fontaine

Bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả
Pháp văn đối chiếu.

150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.

Bản thường 1 \$ 00 — Bản giấy Đại La 5 \$ 00

KIM-VÂN-KIỀU, tome I

Bản dịch và chú thích của ông Nguyễn-văn-Vĩnh
350 trang khổ 17×23

Bản thường 2 \$ 00 — Bản giấy Vergé bouffant 7 \$ 00

Lược-khảo Việt-Ngữ

của ông Lê-văn-Nữu

Ngót 100 trang khổ 12×17

Bản thường 0 \$ 50 — Bản giấy giố 4 \$ 00

—*—

Sắp xuất bản, vào đầu tháng Avril

LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire

Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUỲNH
100 trang, cả tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23

Bản thường 0 \$ 80 — Bản giấy Đại la 5 \$ 00.

Tổng phát-hành Mai-Linh

21 Rue des Pipes — Hanoi

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN

BÌNH CHÚ

QUYỀN THỨ I : 1 \$ 20

QUYỀN THỨ II : 1 \$ 50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Táo-Đàn

Một bộ sách văn học có giá trị hợp tác
được hết tất cả những bài-văn thơ có giá
trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú
rất công phu. Sách in cực đẹp.

Đã có bán

NHAN LOẠI

tiên hóa sử

của

BÁCH - KHOA

Dày trên 200 trang. — Giá 1 \$ 80

Đang in

GỐC TÍCH LOẠI NGƯỜI

của Giáo Sư Nguyễn-đức-Quỳnh

Đó là 2 cuốn Nghiên cứu mở đầu
cho một bộ sách đồ sộ mà ai cũng
phải đọc để hiểu mình là gì.

HÀN THUYỀN PHÁT HÀNH.

Tổng Đại-lý SAIGON CHỢ LỚN : Hiệu sách
Xưa Nay, 62 Bonnard — Saigon

ĐÃ CÓ BÁN :

ĐÀO-DUY-ANH

*

TRUNG-HOA SỬ CƯƠNG

(Từ đời thi-hi-cổ đến ngày nay, quyển sách
đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-
hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã
làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai
mươi thế kỷ). Giá bán : 3 \$ 00

VĂN-HÒA

29, Maréchal Pétain — Huế